

MỤC LỤC

		1
Kinh Tụng Tam Bảo hằng ngày sáng (4h00)	(7Ngày)2	
1 Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ: Kinh Đại Niệm Xứ(1)		7
2 Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ: Kinh Đại Niệm Xứ(2)		27
3 Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ: Kinh Đại Niệm Xứ(3)		43
4 Dhammacakkappavattana Sutta: Kinh Chuyển Pháp Luân		64
5 Anatta-Lakkhaṇa Sutta: Kinh Vô Ngã Tướng		76
6 Paṭiccasamuppādavibhaṅgo: Duyên Khởi Phân Tích		84
7 Paṭṭhāna: Duyên Hệ		93
8 Bojjhaṅga Suttā: Những Bài Kinh Thất Giác Chi		111
9 Pabbajita-Abhiṇhasuttaṃ: Kinh Pháp Sa Môn Thường Quán		122
10 Mettābhāvanā - Pathanā – Pattidāna: Thiền Tâm Từ - Nguyện Cầu - Chia Phước		124

KINH TỤNG TAM BẢO

Khóa Kinh Hằng Ngày: Lễ Bái Tam Bảo

**Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa
Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa
Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa**

Đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A la hán, Đấng Chánh Đẳng Giác. (x3)

**Itipiso Bhagavā :arahaṃ sammā-sambuddho vijjā-caraṇa-sampanno
sugato loka-vidū anuttaro-purisadammasārathi satthā deva-
manussānaṃ buddho Bhagavāti.**

Taṃ arahatā’di-guṇa-saṃyuttaṃ buddhaṃ sirasā namāmi.

Taṅca buddhaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Ta xin thành kính cúi đầu làm lễ Phật Bảo có đầy đủ các đức: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ-Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nhất là đức Ứng Cúng.

Ta xin thành kính cúng dường Đức Chánh đẳng Chánh giác bằng các lễ vật này. (lạy)

**Svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko
opanayiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti.**

Taṃ svākkhātātā’di-guṇa-saṃyuttaṃ dhammaṃ sirasā namāmi.

Taṅca dhammaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Ta xin thành kính cúi đầu làm lễ Pháp Bảo có đầy đủ các đức: Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Nhất là đức Pháp do Thế Tôn khéo thuyết. Ta xin thành kính cúng dường Pháp Bảo bằng các lễ vật này. (lạy)

**Supaṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
Uju-paṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
Ñāya-paṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
Sāmīci-paṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho
yadidaṃ cattāri purisa-yugāni aṭṭha purisapuggalā
esa bhagavato sāvaka-saṅgho āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo añjali-
karaṇīyo anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassā ‘ ti.**

Taṃ supaṭipannatā’di-guṇa-saṃyuttaṃ saṅghaṃ sirasā namāmi.

Taṅca saṅghaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.

Ta xin thành kính cúi đầu làm lễ đức Tăng có đầy đủ các đức: Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Nhất là đức Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn.

Ta xin thành kính cúng dường đức Tăng bằng các lễ vật này. (lạy)

Vandāmi cetiyaṃ sabbāṃ	Ta xin thành kính làm lễ tất cả
Sabbatṭhāne supatitṭhitāṃ	Bảo Tháp Ngọc Xá-Lợi
Sārīrikadhātumahābodhiṃ	Đại thọ Bồ Đề và Kim thân Phật
Buddharūpaṃ sakalaṃ sadā.(x3)	Đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. (x3)

**Sagge kāme ca rūpe giri-sikhara-tate cantalikkhe vimāne
Dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gahaṇe geḥa-vatthumhi khette
Bhummā cāyantu devā jala-thala-visame yakkha-gandhabba-nāgā
Tiṭṭhantā santike yaṃ muni-vara-vacanaṃ sādhave me suṇantu
Dhammassavanakālo ayambhadantā
Dhammassavanakālo ayambhadantā
Dhammassavanakālo ayambhadantā**

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới cùng Sắc giới, Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi đất liền hoặc các châu quận, ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn, Chư Dạ xoa, Càn Thác Bà cùng Long vương dưới nước trên bờ hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là lời kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng Ta tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

Xin các Ngài Đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

Xin các Ngài Đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

Kệ khái hoàn

Anekajātisamsāraṃ	Lang thang bao kiếp sống
sandhāvissaṃ anibbisaṃ	Ta tìm nhưng chẳng gặp
gahakāraṃ gavesanto	người xây dựng nhà này
dukkhā jāti punappunaṃ	khổ thay phải tái sinh
gahakāraka diṭṭhosi	Ôi người làm nhà kia
puna gehaṃ na kāhasi	nay ta đã thấy người
sabbā te phāsukā bhaggā	đòn tay người bị gãy
gahakūṭaṃ visaṅkhatam	kèo cột người bị tan
visaṅkhāragataṃ cittaṃ	tâm ta đạt tịch diệt
taṇhānaṃ khayamajjhagā	tham ái thầy tiêu vong

Pc 153-154

Này kẻ đã làm nên ngôi nhà “thân”, Ta đã cố tìm người mà không gặp
Nên tử sanh luân hồi vô số kiếp, Mãi sanh lại trong tam giới là khổ.
Này “tham ái” kẻ đã xây nhà kia! ,diện mạo người Như lai thấy rõ rồi,
Cột kèo “phiền não” ta hủy sạch, ,nóc nhà “vô minh” ta phá tan,
Người không thể xây nhà thêm được nữa, Tâm Như lai đã chứng pháp “Vô vi.”(Niết bàn)
Diệt vong hết thầy mọi tham ái.

KINH TỤNG
NGÀY THỨ NHẤT

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ

KINH ĐẠI NIỆM XỨ

Evaṃ me sutam Ta nghe như vậy

**ekam samayaṃ bhagavā kurūsu viharati kammāsadhammaṃ nāma
kurūnaṃ nigamo**

Một thời, Thế Tôn ở xứ Kuru (Câu lâu), tại Kammāssadhamma (Kiềm ma sắt đằm) - đô thị của xứ Kuru.

Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi Rồi Thế Tôn gọi các vị Tỷ kheo:

“bhikkhavo”ti "Này các Tỷ kheo."

“Bhaddante”ti "Bạch Thế Tôn."

te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca

Các Tỷ kheo trả lời Thế Tôn: Thế Tôn nói như sau:

Uddeso
Sơ thuyết

“Ekāyano ayaṃ bhikkhave, maggo sattānaṃ visuddhiyā

Này các Tỷ kheo, đây là Ta đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh

Soka-paridevānaṃ samatikkamāya vượt khỏi sầu bi

dukkha-domanassānaṃ atthaṅgamāya diệt trừ khổ ưu

ñāyassa adhigamāya thành tựu chánh lý

nibbānassa sacchikiriyāya chứng ngộ Niết bàn

yadidaṃ cattāro sati-paṭṭhānā Đó là Bốn niệm xứ

Katame cattaro Thế nào là bốn?

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

vedanāsu vedanā’nupassī viharati sống quán thọ trên các thọ

ātāpī sampajāno satimā, vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

citte cittā’nupassī viharati sống quán tâm trên tâm

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

dhammesu dhammā'nupassī viharati sống quán pháp trên các pháp
ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassam

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời
Uddeso niṭṭhito-Dứt sơ thuyết

Kāyānupassanā ānāpānappabbam
Quán thân – phần hơi thở

Kathañca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là
bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân?

Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu arañña-gato vā rukkha-mūla-gato vā

Tỷ kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây

suññāgāra-gato vā nisīdati pallaṅkam ābhujitvā

hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già

ujum kāyam pañidhāya parimukham satim upatṭhapetvā

lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt

So satova assasati, satova passasati Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra

Dīgham vā assasanto 'dīgham assasāmī'ti pajānāti

Thở vô dài, vị ấy tuệ tri "Ta thở vô dài"

dīgham vā passasanto 'dīgham passasāmī'ti pajānāti

hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Ta thở ra dài"

Rassam vā assasanto 'rassam assasāmī'ti pajānāti

hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Ta thở vô ngắn"

rassam vā passasanto 'rassam passasāmī'ti pajānāti

hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Ta thở ra ngắn"

'Sabba-kāya-paṭisaṃvedī assasissāmī'ti sikkhati

Cảm giác toàn thân, Ta sẽ thở vô", vị ấy tập

'sabba-kāya-paṭisaṃvedī passasissāmī'ti sikkhati

"Cảm giác toàn thân, Ta sẽ thở ra", vị ấy tập

'passambhayam kāya-saṅkhāram assasissāmī'ti sikkhati

"An tịnh thân hành, Ta sẽ thở vô", vị ấy tập

'passambhayam kāya-saṅkhāram passasissāmī'ti sikkhati

"An tịnh thân hành, Ta sẽ thở ra", vị ấy tập

Seyyathāpi, bhikkhave Nay các tỷ kheo, giống như

dakkho bhama-kāro vā bhama-kār'antevāsī vā

người thợ quay(thợ tiện) hay học trò người thợ quay(thợ tiện) tuệ tri thiện xảo

dīghaṃ vā añchanto ‘dīghaṃ añchāmī’ti pajānāti

khi quay dài, tuệ tri rằng: "Ta quay dài"

rassaṃ vā añchanto ‘rassaṃ añchāmī’ti pajānāti

hay khi quay ngắn, tuệ tri rằng: "Ta quay ngắn."

evameva kho, bhikkhave Cũng vậy, này các Tỷ kheo

bhikkhu dīghaṃ vā assasanto ‘dīghaṃ assasāmī’ti pajānāti

Tỷ kheo thở vô dài, tuệ tri: "Ta thở vô dài"

dīghaṃ vā passasanto ‘dīghaṃ passasāmī’ti pajānāti

hay thở ra dài tuệ tri: "Ta thở ra dài"

rassaṃ vā assasanto ‘rassaṃ assasāmī’ti pajānāti

hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Ta thở vô ngắn"

rassaṃ vā passasanto ‘rassaṃ passasāmī’ti pajānāti

hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Ta thở ra ngắn"

‘sabba-kāya-paṭisaṃvedī assasissāmī’ti sikkhati

"Cảm giác toàn thân, Ta sẽ thở vô", vị ấy tập

‘sabba-kāya-paṭisaṃvedī passasissāmī’ti sikkhati

"Cảm giác toàn thân, Ta sẽ thở ra", vị ấy tập; "

‘passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ assasissāmī’ti sikkhati

An tịnh thân hành, Ta sẽ thở vô", vị ấy tập

‘passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ passasissāmī’ti sikkhati

"An tịnh thân hành, Ta sẽ thở ra", vị ấy tập

iti ajjhataṃ vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy, vị ấy sống, quán thân trên nội thân(thân hơi thở của mình)

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân(thân hơi thở người khác)

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

samudaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước vật gì ở trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Anāpāna-pabbamāniṭṭhitam

dứt phần hơi thở

Kāyānupassanā iriyāpaṭhapabbam
Quán thân phần oai nghi(các tư thế sinh hoạt)

Puna caparam, bhikkhave Lại nữa, này các Tỷ kheo
bhikkhu gacchanto vā ‘gacchāmī’ti pajānāti Tỷ kheo đi, tuệ tri: "Ta đi"
ṭhito vā ‘ṭhitomhī’ti pajānāti hay đứng, tuệ tri: "Ta đứng"
nisinno vā ‘nisinnomhī’ti pajānāti hay ngồi, tuệ tri: "Ta ngồi"
sayāno vā ‘sayānomhī’ti pajānāti hay nằm, tuệ tri: "Ta nằm"
yathā yathā vā panassa kāyo paṇihito hoti Thân thể được sử dụng như thế nào
tathā tathā nam pajānāti vị ấy biết thân như thế ấy

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay vị ấy sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati chấp trước một vật gì trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Iriyā-patha-pabbam niṭṭhitam

dứt phần oai nghi

Puna caparam bhikkhave Lại nữa, này các Tỷ kheo

bhikkhu abhikkante paṭikkante sampajāna-kārī hoti

Tỷ kheo, khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm

ālokite vilokite sampajāna-kārī hoti Khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm

samiñjite pasārite sampajāna-kārī hoti Khi co tay khi duỗi tay biết rõ việc mình đang làm

saṅghāṭi-patta-cīvara-dhāraṇe sampajāna-kārī hoti

Khi mang áo Sanghàti (Tăng-già-lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm

asite pīte khāyite sāyite sampajāna-kārī hoti

Khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm

uccāra-passāva-kamme sampajāna-kārī hoti

Khi đi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm

gate ṭhite nisinne sutte jāgarite bhāsīte tuṅhī-bhāve sampajāna-kārī hoti

Khi đi, đứng, ngồi, ngủ, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm

Iti ajjhattam vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati hay sống quán thân trên ngoại thân

Ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân;

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Sampajāna-pabbam niṭṭhitam

dứt phần tỉnh giác

Puna caparam bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu imameva kāyam Tỷ kheo quán sát thân này
uddham pāda-talā adho kesa-matthakā
dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc trở xuống
taca-pariyantaṃ pūram nānappakārassa asucino paccavekkhati
bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt
‘atthi imasmiṃ kāye "Trong thân này có:
kesā lomā nakhā dantā taco tóc, lông, móng, răng, da
maṃsam nhāru aṭṭhi aṭṭhi-miñjaṃ vakkam thịt, gân, xương, thận, tủy
hadayaṃ yakanam kilomakam pihakam papphasam
tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi
antaṃ antaṅgam udariyam karīsam matthaluṅgam
ruột, màng ruột, bụng, phân, não (trong đầu)
pittaṃ semham pubbo lohitaṃ sedo medo mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ
assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttan’ti
nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu."

Seyyathā’pi, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, cũng như
Ubhato-mukhā putoḷi pūrā nānāvihitassa dhaññassa, seyyathidaṃ
một bao đờ, hai đầu trống đựng đầy các loại hạt như
sālīnam vīhīnam muggānam māsānam tilānam taṇḍulānam
gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi
Tamenam cakkhumā puriso muñcitvā paccavekkheyya
Một người có mắt, đổ các hạt ấy ra và quan sát:
‘ime sālī, ime vīhī ime muggā ime māsā ime tilā ime taṇḍulā’ti
"Đây là hạt gạo, đây là hạt lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu đỏ, đây là mè, đây là hạt lúa đã xay rồi."

Evameva kho, bhikkhave Cũng vậy, này các Tỷ kheo
bhikkhu imameva kāyam một Tỷ kheo quán sát thân này
uddham pāda-talā adho kesa-matthakā
dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc trở xuống
taca-pariyantaṃ pūram nānappakārassa asucino paccavekkhati
bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt
‘atthi imasmiṃ kāye "Trong thân này có:
kesā lomā nakhā dantā taco tóc, lông, móng, răng, da

maṃsaṃ nhāru aṭṭhi aṭṭhi-miñjaṃ vakkamaṃ thịt, gân, xương, tủy, thận, tim

hadayaṃ yakanamaṃ kilomakamaṃ pihakamaṃ papphāsaṃ

gan, hoành cách mô, lá lách, phổi

antaṃ anta-guṇamaṃ udariyamaṃ karīsamaṃ matthaluṅgamaṃ

ruột, màng ruột, bụng, phân, não (trong đầu)

pittaṃ semhamaṃ pubbo lohitaṃ sedo medo

mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ

assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttan'ti

nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu."

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân.

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Paṭikūla-manasikāra-pabbamaṃ niṭṭhitaṃ

dứt phần quán thể trước

Kāyānupassanā dhātumanasikārapabbam
Quán thân – phần quán tứ đại (bản chất)

Puna caparam bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu imameva kāyam Tỷ kheo quán sát thân này
yathā ʈhitam yathā paṇihitam dhātuso paccavekkhati
về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới
atthi imasmim kāye "Trong thân này có
pathavī-dhātu āpo-dhātu tejo-dhātu vāyo-dhātū'ti
địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Seyyathāpi, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, giống như
dakkho goghātako vā goghātak'antevāsī vā
một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể
gāvim vadhitvā catu-mahā-pathe bilaso vibhajtvā nisinno assa
sau khi giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường
evameva kho, bhikkhave Cũng vậy này các Tỷ kheo
bhikkhu imameva kāyam vị Tỷ kheo quán sát thân này
yathā ʈhitam yathā paṇihitam dhātuso paccavekkhati
về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới:
'atthi imasmim kāye "Trong thân này có
Pathavī-dhātu āpo-dhātu tejo-dhātu vāyo-dhātū'ti
địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại."

Iti ajjhattam vā kāye kāyā'nupassī viharati
Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân
bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati
hay sống quán thân trên ngoại thân
ajjhatta-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati
hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân
Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati
Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân
Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati
hay sống quán tánh diệt tận trên thân
Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati
hay sống quán tánh sanh diệt trên thân
'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti
"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm, và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati

không chấp trước một vật gì trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave

Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Dhātu-manasikāra-pabbam niṭṭhitam

dứt phần quán tứ đại

Puna caparam, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo, như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa

Ekā'ha-mataṃ vā dvī'ha-mataṃ vā một ngày, hai ngày

Tī'ha-mataṃ vā uddhumātakaṃ vinīlakaṃ vipubbaka-jātaṃ

ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra

so imameva kāyaṃ upasaṃharati Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

'ayampi kho kāyo"Thân này cũng vậy.

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto'ti

tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Puna caparaṃ bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa

kākehi vā khajjamānaṃ bị các loài quạ ăn

kulalehi vā khajjamānaṃ hay bị các loài điều hâu ăn

gijjhehi vā khajjamānaṃ hay bị các chim kên ăn

kaṅkehi vā khajjamānaṃ hay bị các con cò ma ăn

sunakhehi vā khajjamānaṃ hay bị các loài chó ăn

byagghehi vā khajjamānaṃ hay bị các con hổ ăn

dīpīhi vā khajjamānaṃ hay bị các con báo ăn

siṅgālehi vā khajjamānaṃ hay bị các loài giẻ can ăn

vividhehi vā pāṇaka-jātehi khajjamānaṃ hay bị các loài côn trùng ăn

So imameva kāyaṃ upasaṃharatī Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

‘ayampi kho kāyo Thân này cũng vậy

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto’ti

"tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā’nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā’nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

Samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

‘Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hưởng đến chánh trí, chánh niệm và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evampi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā’nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Puna caparaṃ, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, lại nữa

bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa

aṭṭhi-kasaṅkhalikaṃ với các xương còn liên kết với nhau

samaṃsa-lohitaṃ còn dính thịt và máu

nhāru-sambandhaṃ còn được các đường gân cột lại

...pe... như trên...

aṭṭhikasaṅkhalikaṃ với các xương còn liên kết với nhau

nimaṃsa-lohita- makkhitaṃ không còn dính thịt nhưng còn dính máu

nhāru-sambandhaṃ còn được các đường gân cột lại

...pe... như trên...

aṭṭhi-kasaṅkhalikaṃ với các xương còn liên kết với nhau

apagata-maṃsa-lohitaṃ không còn dính thịt và máu

nhāru-sambandhaṃ còn được các đường gân cột lại

...pe... như trên...

aṭṭhikāni apagata-sambandhāni disā vidisā vikkhittāni

chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia

aññena hatthaṭṭhikaṃ ở đây là xương tay

aññena pādaṭṭhikaṃ ở đây là xương chân

aññena goppakaṭṭhikaṃ ở đây là xương mắt cá

aññena jaṅghaṭṭhikaṃ ở đây là xương ống

aññena ūruṭṭhikaṃ ở đây là xương bắp vế(đùi)

aññena kaṭṭhikaṃ ở đây là xương hông(háng)

aññena phāsukaṭṭhikaṃ ở đây là xương sườn

aññena piṭṭhiṭṭhikaṃ ở đây là xương sống

aññena khandhaṭṭhikaṃ ở đây là xương vai

aññena gīvaṭṭhikaṃ ở đây là xương cổ

aññena hanukaṭṭhikaṃ ở đây là xương hàm

aññena dantaṭṭhikaṃ ở đây là xương răng

aññena sīsakaṭāhaṃ ở đây là xương đầu

So imameva kāyaṃ upasaṃharati Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

‘ayampi kho kāyo "Thân này cũng vậy

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto’ti

tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy"

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

Evampi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo

bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sivathikāya chaḍḍitaṃ

Tỷ kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa

aṭṭhikāni setāni saṅkha-vaṇṇa paṭibhāgāni

chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... ..pe... ..như trên...

aṭṭhikāni puñjakitāni tero-vassikāni

chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm...

...pe... ..như trên...

aṭṭhikāni pūtīni cuṇṇaka-jātāni chỉ còn là xương thối trở thành bột

So imameva kāyaṃ upasaṃharati Tỷ kheo quán thân ấy như sau:

'ayampi kho kāyo "Thân này cũng vậy

evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatīto'ti

tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy."

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân

bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên ngoại thân

ajjhata-bahiddhā vā kāye kāyā'nupassī viharati

hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân

Samudaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân

Vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên thân

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā kāyasmim viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên thân

'Atthi kāyo'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán thân trên thân

Nava-sivathika-pabbam niṭṭhitam

Dứt phần 9 loại tử thi

Cuddasa kāyānupassanā niṭṭhitā

Dứt 14 phần quán thân

Vedanānupassanā
Quán thọ

Kathañca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như thế nào
bhikkhu vedanāsu vedanā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán thọ trên các thọ

Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở nơi đây

bhikkhu sukhaṃ vā vedanaṃ vedayamāno Tỷ kheo khi cảm giác lạc thọ
sukhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti biết rằng: "Ta cảm giác lạc thọ"

Dukkhaṃ vā vedanaṃ vedayamāno khi cảm giác khổ thọ

'dukkhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti biết rằng: "Ta cảm giác khổ thọ"

Adukkhamasukhaṃ vā vedanaṃ vedayamāno

khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ

'adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác bất khổ bất lạc thọ"

Sāmisam vā sukhaṃ vedanaṃ vedayamāno

Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất(liên quan đến 5 dục)

'sāmisam sukhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác lạc thọ thuộc vật chất".

Nirāmisam vā sukhaṃ vedanaṃ vedayamāno

Hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất(không liên quan đến 5 dục)

'nirāmisam sukhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất"

Sāmisam vā dukkhaṃ vedanaṃ vedayamāno

Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất(liên quan đến 5 dục)

'sāmisam dukkhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác khổ thọ thuộc vật chất"

Nirāmisam vā dukkhaṃ vedanaṃ vedayamāno

Hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất(không liên quan đến 5 dục)

'nirāmisam dukkhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất"

Sāmisam vā adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayamāno

Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất (liên quan đến 5 dục)

'sāmisam adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayāmī'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất

Nirāmiṣaṃ vā adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayamāno

Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất(không liên quan đến 5 dục)

'nirāmiṣaṃ adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayāmi'ti pajānāti

biết rằng: "Ta cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất"

iti ajjhattaṃ vā vedanāsu vedanā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ

bahiddhā vā vedanāsu vedanā'nupassī viharati

hay sống quán thọ trên các ngoại thọ

ajjhatta-bahiddhā vā vedanāsu vedanā'nupassī viharati

hay sống quán thọ trên cả các nội thọ, ngoại thọ

Samudaya-dhammā'nupassī vā vedanāsu viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các thọ

Vaya-dhammā'nupassī vā vedanāsu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ

Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā vedanāsu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ

'atthi vedanā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

evam'pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu vedanāsu vedanā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán thọ trên các thọ

Vedanā'nupassanā niṭṭhitā

Dứt phần quán thọ

Cittānupassanā

Quán tâm

Kathañca pana, bhikkhave Đây các Tỷ kheo, như thế nào
bhikkhu citte cittā'nupassī viharati Là Tỷ kheo sống quán tâm trên tâm
idha, bhikkhave Đây các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu sa-rāgaṃ vā cittaṃ 'sa-rāgaṃ cittaṃ'ti pajānāti

vị Tỷ kheo: "Vớĩ tâm có tham, biết rằng tâm có tham"

vīta-rāgaṃ vā cittaṃ 'vīta-rāgaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm không tham, biết rằng tâm không tham"

sa-dosaṃ vā cittaṃ 'sa-dosaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm có sân, biết rằng tâm có sân"

vīta-dosaṃ vā cittaṃ 'vīta-dosaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm không sân, biết rằng tâm không sân"

sa-mohaṃ vā cittaṃ 'sa-mohaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm có si, biết rằng tâm có si"

vīta-mohaṃ vā cittaṃ 'vīta-mohaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm không si, biết rằng tâm không si"

sañkhittaṃ vā cittaṃ 'sañkhittaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm thâu nhiếp, biết rằng tâm đợc thâu nhiếp"

vikkhittaṃ vā cittaṃ 'vikkhittaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm tán loạn, biết rằng tâm bị tán loạn"

mahaggataṃ vā cittaṃ 'mahaggataṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm quảng đại, biết rằng tâm đợc quảng đại"

a-mahaggataṃ vā cittaṃ 'a-mahaggataṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm không quảng đại, biết rằng tâm không đợc quảng đại"

sa-uttaraṃ vā cittaṃ 'sa-uttaraṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm hữu hạn, biết rằng tâm hữu hạn"

anuttaraṃ vā cittaṃ 'anuttaraṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm vô thượng, biết rằng tâm vô thượng"

samāhitaṃ vā cittaṃ 'samāhitaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Vớĩ tâm có định, biết rằng tâm có định"

a-samāhitaṃ vā cittaṃ 'a-samāhitaṃ cittaṃ'ti pajānāti

hay "Với tâm không định, biết rằng tâm không định"

vimuttaṃ vā cittaṃ ‘vimuttaṃ cittaṃ’ti pajānāti

hay "Với tâm giải thoát, biết rằng tâm có giải thoát"

a-vimuttaṃ vā cittaṃ ‘a-vimuttaṃ cittaṃ’ti pajānāti

hay "Với tâm không giải thoát, biết rằng tâm không giải thoát"

iti ajjhattaṃ vā citte citta’ nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm

bahiddhā vā citte citta’ nupassī viharati

hay sống quán tâm trên ngoại tâm

ajjhatta-bahiddhā vā citte citta’ nupassī viharati

hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm

Samudaya- dhammā’ nupassī vā cittasmiṃ viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm

Vaya-dhammā’ nupassī vā cittasmiṃ viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên tâm

samudaya-vaya-dhammā’ nupassī vā cittasmiṃ viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm

‘atthi cittaṃ’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

evampi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu citte citta’ nupassī viharati Là vị Tỷ kheo sống quán tâm trên

Cittā’ nupassanā niṭṭhitā

Dứt phần quán tâm

KINH TỤNG NGÀY THỨ HAI

Dhammānupassanā nīvaraṇapabbam
Quán pháp phần triền cái (sự ngăn che trí tuệ)

Kathaṅca pana, bhikkhave Này các Tỷ kheo

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

thế nào là vị Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp?

idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu nīvaraṇesu đối với năm triền cái

kathaṅca pana, bhikkhave Và này các Tỷ kheo, thế nào

bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati

là vị Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu nīvaraṇesu đối với năm triền cái?

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu santam vā ajjhataṃ kāmacchandaṃ Tỷ kheo, nội tâm có tham dục

'atthi me ajjhataṃ kāmacchando'ti pajānāti tuệ tri: "Nội tâm Ta có tham dục"

asantam vā ajjhataṃ kāmacchandaṃ hay nội tâm không có tham dục

'natthi me ajjhataṃ kāmacchando'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có tham dục"

yathā ca anuppannassa kāmacchandassa uppādo hoti

Và với tham dục chưa sanh nay sanh khởi

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa kāmacchandassa pahānaṃ hoti

Và với tham dục đã sanh nay được đoạn diệt

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa kāmacchandassa āyatim anuppādo hoti

Và với tham dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santam vā ajjhataṃ byāpādaṃ Hay nội tâm có sân hận

'atthi me ajjhataṃ byāpādo'ti pajānāti tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có sân hận"

asantam vā ajjhataṃ byāpādaṃ hay nội tâm không có sân hận

'natthi me ajjhataṃ byāpādo'ti pajānāti tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có sân hận."

yathā ca anuppannassa byāpādassa uppādo hoti

Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannaṃ byāpādaṃ pahānaṃ hoti

Và với sân hận đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnaṃ byāpādaṃ āyatim anuppādo hoti

Và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ thina-middhaṃ Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên

‘atthi me ajjhataṃ thina- middhan’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có hôn trầm thụy miên"

asantaṃ vā ajjhataṃ thina-middhaṃ hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên,

‘natthi me ajjhataṃ thina-middhan’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có hôn trầm thụy miên"

yathā ca anuppannaṃ thina-middhaṃ uppādo hoti

Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannaṃ thina-middhaṃ pahānaṃ hoti

và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay bị đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnaṃ thina-middhaṃ āyatim anuppādo hoti

Và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ uddhacca-kukkuccaṃ

Hay nội tâm có trạo hối

‘atthi me ajjhataṃ uddhacca-kukkuccaṃ’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có trạo hối"

asantaṃ vā ajjhataṃ uddhacca- kukkuccaṃ

hay nội tâm không có trạo hối

‘natthi me ajjhataṃ uddhacca-kukkuccaṃ’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có trạo hối"

yathā ca anuppannaṃ uddhacca-kukkucassa uppādo hoti

Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannaṃ uddhacca-kukkucassa pahānaṃ hoti

Và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa uddhacca-kukkuccassa āyatim anuppādo hoti

Và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhattaṃ vicikicchaṃ Hay nội tâm có nghi

‘atthi me ajjhattaṃ vicikicchā’ti pajānāti tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có nghi"

asantaṃ vā ajjhattaṃ vicikicchaṃ hay nội tâm không có nghi

‘natthi me ajjhattaṃ vicikicchā’ti pajānāti tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có nghi."

yathā ca anuppannāya vicikicchāya uppādo hoti

Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannāya vicikicchāya pahānaṃ hoti

Và với nghi đã sanh, nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnāya vicikicchāya āyatim anuppādo hoti

và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā’nupassī viharati

hay sống quán pháp trên cả các nội pháp, ngoại pháp

Samudaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

Vaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

Samudaya-vaya-dhammā’nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp.

‘atthi dhammā’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati

không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave

Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu nīvaraṇesu

đối với năm triền cái

Nīvaraṇa-pabbam niṭṭhitam

Dứt phần triền cái

Dhammānupassanā khandhapabbam
Quán Pháp – phần Uẩn

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa, này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
pañcasu upādānak-khandhesu đối với Năm Thủ uẩn

Kathaṅca pana, bhikkhave Này các Tỷ kheo, thế nào
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati
là Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
pañcasu upādānak- khandhesu
đối với Năm Thủ uẩn

Idha, bhikkhave, Này các Tỷ kheo
bhikkhu– 'iti rūpaṃ, iti rūpassa samudayo, iti rūpassa atthaṅgamo
Tỷ kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc sanh, đây là sắc diệt"
iti vedanā, iti vedanāya samudayo, iti vedanāya atthaṅgamo
Đây là thọ, đây là thọ sanh, đây là thọ diệt"
iti saññā, iti saññāya samudayo, iti saññāya atthaṅgamo
Đây là tưởng, đây là tưởng sanh, đây là tưởng diệt"
iti saṅkhārā, iti saṅkhārānaṃ samudayo, iti saṅkhārānaṃ atthaṅgamo
Đây là hành, đây là hành sanh, đây là hành diệt"
iti viññāṇaṃ, iti viññāṇassa samudayo, iti viññāṇassa atthaṅgamo'ti
Đây là thức, đây là thức sanh, đây là thức diệt"

iti ajjhataṃ vā dhammesu dhammā'nupassī viharati
Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp
bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati
hay sống quán pháp trên các ngoại pháp
ajjhata-bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati
hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp
Samudaya- dhammā'nupassī vā dhammesu viharati
hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp
Vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati
hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp
Samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati
hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp
'Atthi dhammā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti
"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya, anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì ở trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu dhammesu dhammā’nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

pañcasu upādānak-khandhesu

đối với Năm Thủ uẩn

Khandha-pabbam niṭṭhitam

Dứt phần Uẩn

Dhammānupassanā āyatanapabbam
Quán Pháp – phần Xứ (các căn)

Puna caparaṃ, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
chasu ajjhattika-bāhiresu āyatanesu đối với Sáu Nội Ngoại xứ

Kathañca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati
là Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
chasu ajjhattika-bāhiresu āyatanesu đối với Sáu Nội Ngoại xứ

Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu cakkhuñca pajānāti, rūpe ca pajānāti Tỷ kheo tuệ tri mắt và tuệ tri các sắc
yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ
do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca anuppanassa saṃyojanassa uppādo hoti
và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca uppanassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti
và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti
và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Sotañca pajānāti, sadde ca pajānāti Tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng
yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ
do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca anuppanassa saṃyojanassa uppādo hoti
và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy
yathā ca uppanassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti
và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa,

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Ghānañca pajānāti, gandhe ca pajānāti Tuệ tri mũi và tuệ tri các hương

yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanam

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānam hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Jivhañca pajānāti, rase ca pajānāti Tuệ tri lưỡi và tuệ tri các vị

yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanam

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānam hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Kāyañca pajānāti, phoṭṭhabbe ca pajānāti Tuệ tri thân và tuệ tri các xúc

yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanam

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Manañca pajānāti, dhamme ca pajānāti Tuệ tri ý và tuệ tri các pháp

yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ

do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi,

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti

và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti

và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti

và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammā'nupassī viharati

hay sống quán pháp trên cả các nội pháp, ngoại pháp

samudaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp

‘atthi dhammā’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya, anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam’pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy là

bhikkhu dhammesu dhammā’nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

chasu ajjhattika-bāhiresu āyatanesu

đối với Sáu Nội Ngoại xứ

Ayatana-pabbam niṭṭhitam

dứt phần Xứ

Dhammānupassanā bojjhaṅgapabbam
Quán Pháp – phần Giác chi

Puna caparam, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

sattasu bojjhaṅgesu đối với Bảy Giác chi

kathaṅca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

sattasu bojjhaṅgesu đối với Bảy Giác chi

idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu santam vā ajjhattam sati-sambojjhaṅgam

Tỷ kheo, nội tâm có Niệm- Giác chi

'atthi me ajjhattam sati-sambojjhaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Niệm Giác chi"

asantam vā ajjhattam sati-sambojjhaṅgam hay nội tâm không có Niệm- Giác chi

'natthi me ajjhattam sati-sambojjhaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Niệm- Giác chi"

yathā ca anuppannassa sati-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Niệm- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa sati-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Niệm- Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santam vā ajjhattam dhamma-vicaya-sambojjhaṅgam

Hay nội tâm có Trạch pháp- Giác chi

'atthi me ajjhattam dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Trạch pháp- Giác chi"

asantam vā ajjhattam dhamma-vicaya-sambojjhaṅgam

hay nội tâm không có Trạch pháp -Giác chi

'natthi me ajjhattam dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo'ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Trạch pháp- Giác chi"

yathā ca anuppannassa dhamma-vicaya-sambojjhaṅgassa uppādo hoti và

với Trạch pháp- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

taṅca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa dhamma-vicaya-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti và với Trạch pháp- Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ vīriya-sambojjhaṅgaṃ Hay nội tâm có Tinh tấn Giác chi
‘atthi me ajjhataṃ vīriya-sambojjhaṅgo’ti pajānāti
tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Tinh tấn- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhataṃ vīriya- sambojjhaṅgaṃ nội tâm không có Tinh tấn- Giác chi
‘natthi me ajjhataṃ vīriya-sambojjhaṅgo’ti pajānāti
tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Tinh tấn Giác chi"

yathā ca anuppannassa vīriya-sambojjhaṅgassa uppādo hoti
và với Tinh tấn -Giác chi chưa sanh nay sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa vīriya-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti
và với Tinh tấn -Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgaṃ Hay nội tâm có Hỷ -Giác chi
‘atthi me ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgo’ti pajānāti
tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Hỷ- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgaṃ hay nội tâm không có Hỷ -Giác chi
‘natthi me ajjhataṃ pīti-sambojjhaṅgo’ti pajānāti
tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Hỷ Giác chi"

yathā ca anuppannassa pīti-sambojjhaṅgassa uppādo hoti
và với Hỷ- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa pīti-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti
và với Hỷ Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành
tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ passaddhi-sambojjhaṅgaṃ
Hay nội tâm có Khinh an- Giác chi
‘atthi me ajjhataṃ passaddhi-sambojjhaṅgo’ti pajānāti
tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Khinh an- Giác chi",

asantaṃ vā ajjhataṃ passaddhi-sambojjhaṅgaṃ
hay nội tâm không có Khinh an- Giác chi

‘natthi me ajjhataṃ passaddhi-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Khinh an- Giác chi"

yathā ca anuppannassa passaddhi-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Khinh an Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa passaddhi-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī

hoti và với Khinh an -Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ samādhī-sambojjhaṅgaṃ nội tâm có Định- Giác chi

‘atthi me ajjhataṃ samādhī-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Định- Giác chi"

asantaṃ vā ajjhataṃ samādhī-sambojjhaṅgaṃ hay nội tâm không có Định -Giác chi

‘natthi me ajjhataṃ samādhī-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Định- Giác chi"

yathā ca anuppannassa samādhī-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

và với Định -Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa samādhī-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Định -Giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Santaṃ vā ajjhataṃ upekkhā-sambojjhaṅgaṃ Hay nội tâm có Xả -Giác chi

‘atthi me ajjhataṃ upekkhā-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta có Xả -Giác chi"

asantaṃ vā ajjhataṃ upekkhā-sambojjhaṅgaṃ hay nội tâm không có Xả- Giác chi

‘natthi me ajjhataṃ upekkhā-sambojjhaṅgo’ti pajānāti

tuệ tri rằng: "Nội tâm Ta không có Xả -Giác chi."

yathā ca anuppannassa upekkhā-sambojjhaṅgassa uppādo hoti

Và với Xả- Giác chi chưa sanh nay sanh khởi

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

yathā ca uppannassa upekkhā-sambojjhaṅgassa bhāvanāya pāripūrī hoti

và với Xả Giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành

tañca pajānāti vị ấy tuệ tri như vậy

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp

bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati

hay sống quán pháp trên các ngoại pháp

ajjhatta-bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati

hay sống quán pháp trên cả các nội pháp, ngoại pháp

samudaya-dhammānupassī vā dhammesu viharati

Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp

Vaya-dhammānupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

samudaya-vaya-dhammānupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp

‘atthi dhammā’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây"; vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

evam’pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

sattasu bojjhaṅgesu đối với Bảy Giác chi

Bojjhaṅga-pabbamāniṭṭhitam

dứt phần Giác chi

KINH TỤNG NGÀY THỨ BA

Dhammānupassanā saccapabbam
Quán Pháp – phần sự thật

Puna caparam, bhikkhave Lại nữa này các Tỷ kheo
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati vị ấy sống quán pháp trên các pháp
catūsu ariya-saccesu đối với Bốn Thánh Sự thật

Kathañca pana, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là
bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp
catūsu ariya-saccesu đối với Bốn Thánh Sự thật

Idha, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, ở đây
bhikkhu 'idaṃ dukkhan'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

Tỷ kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ"

'ayaṃ dukkha-samudayo'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập"

'ayaṃ dukkha-nirodho'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt"

'ayaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā'ti yathā-bhūtaṃ pajānāti

như thật tuệ tri: "Đây là Ta đường đưa đến khổ diệt"

Paṭhamabhāṇavāro niṭṭhito
Dứt đoạn thứ nhất

Dukkhasaccaniddeso
Khổ Thánh để diễn giải

Katamañca, bhikkhave, dukkhaṃ ariya-saccaṃ

Và này các Tỷ kheo, thế nào Khổ Thánh để

Jāti'pi dukkhā, jarā'pi dukkhā Sanh là khổ, già là khổ

maraṇam'pi dukkhaṃ, soka-parideva-dukkha- domanassupāyāsā'pi

dukkhā chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ

appiyehi sampayogo'pi dukkho khổ vì phải gặp những điều không ưa thích

piyehi vippayogo'pi dukkho khổ vì phân ly cách biệt với những điều ưa thích

yam'pi'cchaṃ na labhati tam'pi dukkhaṃ cầu không được là khổ

sañkhittena pañc'upādānak-khandhā dukkhā tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ

Katamā ca, bhikkhave, jāti Nay các Tỷ kheo thế nào là sanh?

Yā tesam tesam sattānam Mỗi mỗi hạng chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng giới loại, thân hữu tình

jāti sañjāti okkanti abhinibbatti sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh

khandhānaṃ pātubhāvo sự xuất hiện các uẩn

āyatanānaṃ paṭilābho sự hoạch đắc các căn

ayaṃ vuccati, bhikkhave, jāti Đây các Tỷ kheo, như vậy gọi là sanh

Katamā ca, bhikkhave, jarā Đây các Tỷ kheo, thế nào là già

Yā tesam tesam sattānaṃ Mỗi mỗi hạng chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng giới loại thân hữu tình ấy

jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā

sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn

āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại

ayaṃ vuccati, bhikkhave, jarā Đây các Tỷ kheo, như vậy là già

Katamañca, bhikkhave, maraṇaṃ Đây các Tỷ kheo, thế nào là chết

Yaṃ tesam tesam sattānaṃ Mỗi mỗi hạng chúng sanh

tamhā tamhā sattanikāyā trong từng giới loại thân hữu tình ấy

cuti cavanatā bhedo sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại,

antaradhānaṃ maccu maraṇaṃ sự diệt vong, sự chết, sự tử vong

kāla-kiriya khandhānaṃ bhedo thời đã đến, các uẩn đã tận diệt

kaḷavarassa nikkhepo sự vất bỏ tử thi

jīvit'indriyassupacchedo sự cắt đứt căn mạng quyền

idaṃ vuccati, bhikkhave, maraṇaṃ Đây các Tỷ kheo, như vậy gọi là chết

Katamo ca, bhikkhave, soko Đây các Tỷ kheo, thế nào gọi là sầu

Yo kho, bhikkhave Đây các Tỷ kheo, với những ai

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa gặp tai nạn này hay tai nạn khác

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa

cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác

soko socanā socitattaṃ sự sầu, sự sầu lo, sự sầu muộn

anto-soko anto-parisoko nội sầu, mọi khổ sầu của người ấy

ayaṃ vuccati, bhikkhave, soko Đây các Tỷ kheo, như vậy gọi là sầu

Katamo ca, bhikkhave, paridevo Đây các Tỷ kheo, thế nào là bi

Yo kho, bhikkhave Đây các Tỷ kheo, với những ai

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa

gặp tai nạn này hay tai nạn khác

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa

với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác

ādevo paridevo sự bi ai, sự bi thảm

ādevanā paridevanā sự than van, sự than khóc

ādevitattaṃ paridevitattaṃ sự bi thán, sự bi thống của người ấy

ayaṃ vuccati, bhikkhave paridevo Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là bi

Katamañca, bhikkhave, dukkhaṃ Nay các Tỷ kheo, thế nào là khổ

yaṃ kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo

kāyikaṃ dukkhaṃ kāyikaṃ asātaṃ sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân

kāya-samphassaṃ dukkhaṃ asātaṃ vedayitaṃ

sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ

idaṃ vuccati, bhikkhave, dukkhaṃ Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là khổ

Katamañca, bhikkhave, domanassaṃ Nay các Tỷ kheo, thế nào là ưu

yaṃ kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo

cetasikaṃ dukkhaṃ cetasikaṃ asātaṃ

sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm

mano-samphassaṃ dukkhaṃ asātaṃ vedayitaṃ

sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ

idaṃ vuccati, bhikkhave, domanassaṃ Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là ưu

Katamo ca, bhikkhave, upāyāso Nay các Tỷ kheo, thế nào là não

yo kho, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, với những ai

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa gặp tai nạn này hay tai nạn khác

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa

cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác

āyāso upāyāso sự áo não, sự bi não

āyāsitaṃ upāyāsitaṃ sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy

ayaṃ vuccati, bhikkhave, upāyāso Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là não

Katamo ca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào

appiyehi sampayogo dukkho là khổ vì phải gặp những điều không ưa thích

idha yassa te honti Ở đây phàm khởi lên đối với một người nào

aniṭṭhā akantā amanāpā là sự không mong muốn, không ưa, không thích

rūpā saddā gandhā rasā phoṭṭhabbā dhammā

đối với những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

ye vā panassa te honti khiến cho người đó

anatta-kāmā ahita-kāmā không có lợi ích, không có an vui

aphāsuka-kāmā ayogakkhema-kāmā đem đến nguy hiểm, bất an

yā tehi saddhiṃ saṅgati samāgamo nhưng phải gặp gỡ những điều đó phải đối diện

samodhānaṃ missībhāvo phải kết hợp, cộng trú với chúng

ayaṃ vuccati, bhikkhave appiyehi sampayogo dukkho

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là khổ vì gặp những điều không ưa thích

Katamo ca, bhikkhave Và này các Tỷ kheo, thế nào là

piyehi vippayogo dukkho khổ vì phân ly cách biệt với những điều ưa thích

idha yassa te honti Ở đây phàm khởi lên nơi một người nào

iṭṭhā kantā manāpā là sự mong đợi, ưa thích, sự vừa lòng

rūpā saddā gandhā rasā phoṭṭhabbā dhammā

những sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp

ye vā panassa te honti khiến cho người đó

attha-kāmā hita-kāmā được lợi ích, an vui

phāsuka-kāmā yogakkhema-kāmā đem đến sự an lạc, sự an ổn

mātā vā pitā vā như giữa cha hay mẫu

bhātā vā bhaginī vā huynh hay tỉ

mittā vā amaccā vā bạn hữu hay đồng môn

ñātisālohitā vā thân quyến với nhau

yā tehi saddhiṃ asaṅgati asamāgamo

nhưng vị ấy không được gặp gỡ không được đối diện

asamodhānaṃ amissībhāvo không được kết hợp, cộng trú

ayaṃ vuccati, bhikkhave piyehi vippayogo dukkho

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là khổ vì phân ly cách biệt với những điều ưa thích

Katamañca, bhikkhave Này các Tỷ kheo, thế nào là

Yam’pī’cchaṃ na labhati tam’pi dukkhaṃ cầu bất đắc khổ

Jāti-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị sanh chi phối

evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na jāti-dhammā assāma "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối

na ca vata no jāti āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh"

na kho panetaṃ icchāya pattaḃbaṃ Lời cầu mong ấy không được thành tựu

idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ

Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Jarā-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ

Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị già chi phối

evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na jarā-dhammā assāma

"Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối

na ca vata no jarā āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải già đi"

na kho panetaṃ icchāya pattaḃbaṃ Lời cầu mong ấy không được thành tựu

idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkhaṃ

Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Byādhi-dhammānaṃ, bhikkhave, sattānaṃ

Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị bệnh chi phối

evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na byādhi-dhammā assāma

"Mong rằng ta khỏi bị bệnh chi phối

na ca vata no byādhi āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải bệnh"

na kho panetaṃ icchāya pattaḃbaṃ Lời cầu mong ấy không được thành tựu

idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkhaṃ

Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Maraṇa-dhammānaṃ, bhikkhave sattānaṃ

Này các Tỷ kheo, chúng sanh bị chết chi phối

evaṃ icchā uppajjati khởi sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na maraṇa-dhammā assāma

"Mong rằng ta khỏi bị chết chi phối

na ca vata no maraṇaṃ āgaccheyyā’ti mong rằng ta khỏi phải già đi"

na kho panetaṃ icchāya pattaḃbaṃ Lời cầu mong ấy không được thành tựu

idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tam’pi dukkhaṃ

Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ!

Soka-parideva-dukkha-domanassupāyāsa-dhammānaṃ, bhikkhave,

sattānaṃ Nay các Tỷ kheo, chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi

evaṃ icchā uppajjati sự mong cầu:

‘aho vata mayaṃ na soka-parideva- dukkha-domanassupāyāsa-dhammā

assāma "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối!

na ca vata no soka- parideva-dukkha-domanassupāyāsa-dhammā

āgaccheyyun’ti Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não"

Na kho panetaṃ icchāya pattaṃ Lời mong cầu ấy không được thành tựu

Idam’pi yam’pi’cchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ Như vậy là cầu bất đắc khổ

Katame ca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo

saṅkhittena pañc’upādānak-khandhā dukkhā

tóm lại như thế nào là, Năm Thủ uẩn là khổ

seyyathidaṃ Như

rūp’upādānak-khandho Sắc thủ uẩn

vedan’upādānak- khandho Thọ thủ uẩn

saññ’upādānak-khandho Tưởng thủ uẩn

saṅkhār’upādānak-khandho Hành thủ uẩn

viññāṇ’upādānak-khandho Thức thủ uẩn

Ime vuccanti, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là

saṅkhittena pañc’upādānak-khandhā dukkhā tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ

idaṃ vuccati, bhikkhave, dukkhaṃ ariya-saccaṃ

Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là khổ thánh đế

Katamañca, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, thế nào là
Dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ Khổ tập Thánh để
Yāyaṃ taṇhā ponob-bhavikā Sự tham ái đưa đến tái sanh
Nandī-rāga-saha-gatā tatra-tatrā'bhinandinī
câu hữu(đi cùng) với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia
seyyathidaṃ Như
kāma-taṇhā bhava-taṇhā vibhava-taṇhā dục ái, hữu ái, vô hữu ái

Sā kho panesā, bhikkhave Nay các Tỷ kheo, sự tham ái này
taṇhā kattha uppajjamānā uppajjati khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu
kattha nivisamānā nivisati khi an trú thì an trú ở đâu
Yaṃ loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ Những gì ở đời là sắc thân ái là sắc khả ái
etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati ở đó tham ái sinh khởi
ettha nivisamānā nivisati ở đó tham ái an trú

Kiñca loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái
Cakkhu loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ Ở đời mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái
etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây
ettha nivisamānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây
Sotaṃ loke ...pe... ghānaṃ loke... Ở đời cái tai... ở đời mũi...
jivhā loke... kāyo loke... ở đời lưỡi... ở đời thân...
mano loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái.
etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây
ettha nivisamānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpā loke... saddā loke... Ở đời các sắc... ở đời các tiếng...
gandhā loke... rasā loke... ở đời các hương... ở đời các vị...
phoṭṭhabbā loke... dhammā loke ở đời các cảm xúc... ở đời các pháp
piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây
ettha nivisamānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Cakkhu-viññāṇaṃ loke... sota-viññāṇaṃ loke....

Ở đời nhãn thức... ở đời nhĩ thức...

Ghāna-viññāṇaṃ loke... jivhā-viññāṇaṃ loke... ở đời tỷ thức... ở đời thiệt thức...

Kāya-viññāṇaṃ loke... mano-viññāṇaṃ loke ở đời thân thức... ở đời ý thức

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Cakkhu-samphasso loke...sota-samphasso loke...

Ở đời nhãn xúc... ở đời nhĩ xúc...

Ghāna-samphasso loke... jivhā-samphasso loke... ở đời tỷ -xúc... ở đời thiệt -xúc...

Kāya-samphasso loke... mano-samphasso loke ở đời thân xúc... ở đời ý xúc

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati

Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Cakkhu-samphassajā vedanā loke... Ở đời nhãn xúc sở sanh thọ...

Sota-samphassajā vedanā loke... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ...

Ghāna-samphassajā vedanā loke... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ...

Jivhā-samphassajā vedanā loke... ở đời thiệt xúc sở sanh thọ...

Kāya-samphassajā vedanā loke... ở đời thân xúc sở sanh thọ...

Mano-samphassajā vedanā loke ở đời ý xúc sở sanh thọ

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpa-saññā loke... sadda-saññā loke...Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng...

Gandha-saññā loke... rasa-saññā loke... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng...

phoṭṭhabba-saññā loke... dhamma-saññā loke ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpa-sañcetanā loke...sadda-sañcetanā loke... Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư...

Gandha-sañcetanā loke... rasa-sañcetanā loke... ở đời hương tư... ở đời vị tư...

phoṭṭhabba-sañcetanā loke...dhamma-sañcetanā loke

ở đời xúc tư... ở đời pháp tư

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpa-taṇhā loke... sadda-taṇhā loke... Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái...

Gandha-taṇhā loke... rasa-taṇhā loke... ở đời hương ái... ở đời vị ái...

phoṭṭhabba-taṇhā loke... dhamma-taṇhā loke ở đời xúc ái... ở đời pháp ái

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpa-vitakko loke...sadda-vitakko loke... Ở đời sắc tầm ... ở đời thanh tầm...

Gandha-vitakko loke... rasa-vitakko loke.... ở đời hương tầm... ở đời vị tầm...

phoṭṭhabba-vitakko loke... dhamma-vitakko loke ở đời xúc tầm... ở đời pháp tầm

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Rūpa-vicāro loke... sadda-vicāro loke... Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ...

Gandha-vicāro loke... rasa-vicāro loke... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ...

phoṭṭhabba-vicāro loke... dhamma-vicāro loke ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây

ettha nivisaṃānā nivisati khi an trú thì an trú ở đây

Idaṃ vuccati, bhikkhave Đây các Tỷ kheo, như vậy gọi là

Dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ Khổ tập Thánh đế

Nirodhasaccaniddeso
Khổ diệt Thánh để diễn giải

Katamañca, bhikkhave Đây các Tỷ kheo, và thế nào là
Dukkha-nirodham ariya-saccam Khổ diệt Thánh để
Yo tassāyeva taṇhāya Những tham ái ấy
Asesa-virāga-nirodho diệt tận không còn dư sót
cāgo paṭinissaggo mutti anālayo sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm

Sā kho panesā, bhikkhave các Tỷ kheo, sự tham ái này
taṇhā kattha pahīyamānā pahiyati khi xả ly thì xả ly ở đâu
kattha nirujjhamānā nirujjhati Đây khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu
Yaṃ loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ Ở đời các sắc gì thân, các sắc gì ái
etthesā taṇhā pahīyamānā pahiyati sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Kiñca loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ Ở đời sắc gì thân ái, sắc gì khả ái
Cakkhu loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ Ở đời Ta mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái
etthesā taṇhā pahīyamānā pahiyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy
Sotaṃ loke ...pe... ghānaṃ loke... Ở đời lỗ tai... ở đời mũi...
jivhā loke... kāyo loke... ở đời lưỡi... ở đời thân...
mano loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ ở đời ý là sắc thân ái, là sắc khả ái
etthesā taṇhā pahīyamānā pahiyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpā loke... saddā loke... Ở đời các sắc... ở đời các tiếng...
gandhā loke... rasā loke... ở đời các mùi hương... ở đời các vị..
phoṭṭhabbā loke... dhammā loke ở đời các xúc... ở đời các pháp
piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái
etthesā taṇhā pahīyamānā pahiyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy
ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Cakkhu-viññāṇaṃ loke... sota-viññāṇaṃ loke...
Ở đời nhãn thức... ở đời nhĩ thức...

Ghāna-viññāṇaṃ loke... jivhā-viññāṇaṃ loke... ở đời tỷ thức... ở đời thiết thức...

Kāya-viññāṇaṃ loke... mano-viññāṇaṃ loke ở đời thân thức... ở đời ý thức là

piyarūpaṃ sātārūpaṃ sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái khi xả ly thì xả ly ở đây

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đây

Cakkhu-samphasso loke...sota-samphasso loke...

Ở đời nhãn xúc... ở đời nhĩ xúc...

Ghāna-samphasso loke... jivhā-samphasso loke... ở đời tỷ xúc... ở đời thiết xúc...

Kāya-samphasso loke... mano-samphasso loke ở đời thân xúc... ở đời ý xúc

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đây

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đây

Cakkhu-samphassajā vedanā loke... Ở đời nhãn xúc sở sanh thọ...

Sota-samphassajā vedanā loke ... ở đời nhĩ xúc sở sanh thọ...

Ghāna-samphassajā vedanā loke... ở đời tỷ xúc sở sanh thọ...

Jivhā-samphassajā vedanā loke... ở đời thiết xúc sở sanh thọ...

Kāya-samphassajā vedanā loke... ở đời thân xúc sở sanh thọ..

Mano-samphassajā vedanā loke ở đời ý xúc sở sanh thọ

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đây

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đây

Rūpa-saññā loke... sadda-saññā loke... Ở đời sắc tưởng... ở đời thanh tưởng...

Gandha-saññā loke... rasa-saññā loke... ở đời hương tưởng... ở đời vị tưởng...

phoṭṭhabba-saññā loke... dhamma-saññā loke ở đời xúc tưởng... ở đời pháp tưởng

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đây

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đây

Rūpa-sañcetanā loke... sadda-sañcetanā loke... Ở đời sắc tư... ở đời thanh tư...

Gandha-sañcetanā loke... rasa-sañcetanā loke... ở đời hương tư... ở đời vị tư...

phoṭṭhabba-sañcetanā loke...dhamma-sañcetanā loke

ở đời xúc tư... ở đời pháp tư

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-taṇhā loke... sadda-taṇhā loke... Ở đời sắc ái... ở đời thanh ái...

Gandha-taṇhā loke... rasa-taṇhā loke... ở đời hương ái... ở đời vị ái...

phoṭṭhabba-taṇhā loke... dhamma-taṇhā loke ở đời xúc ái... ở đời pháp ái

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati Sự khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-vitakko loke... sadda-vitakko loke... Ở đời sắc tầm... ở đời thanh tầm...

Gandha-vitakko loke... rasa-vitakko loke... ở đời hương tầm... ở đời vị tầm...

phoṭṭhabba-vitakko loke... dhamma-vitakko loke ở đời xúc tầm... ở đời pháp tầm

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Rūpa-vicāro loke... sadda-vicāro loke... Ở đời sắc tứ... ở đời thanh tứ...

Gandha-vicāro loke... rasa-vicāro loke... ở đời hương tứ... ở đời vị tứ...

phoṭṭhabba-vicāro loke... dhamma-vicāro loke ở đời xúc tứ... ở đời pháp tứ

piyarūpaṃ sātārūpaṃ là sắc thân ái, là sắc khả ái

etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy

ettha nirujjhamānā nirujjhati khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy

Idaṃ vuccati, bhikkhave, dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế

Katamañca, bhikkhave Này các Tỷ kheo, thế nào
Dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ là Khổ diệt đạo Thánh để
Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo Đó là bát chi Thánh đạo
seyyathidaṃ tức là
sammā-diṭṭhi sammā-saṅkappo Chánh tri kiến, Chánh tư duy
sammā-vācā sammā-kammanto Chánh ngữ, Chánh nghiệp
sammā-ājīvo sammā-vāyāmo Chánh mạng, Chánh tinh tấn
sammā-sati sammā-samādhi Chánh niệm, Chánh định

Katamā ca, bhikkhave, sammā-diṭṭhi Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tri kiến
Yaṃ kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo
dukkhe ñāṇaṃ, dukkha-samudaye ñāṇaṃ tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập
dukkha-nirodhe ñāṇaṃ dukkha-nirodha-gāminiyā paṭipadāya ñāṇaṃ
tri kiến về Khổ diệt tri kiến về Khổ diệt đạo
ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-diṭṭhi Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến

Katamo ca, bhikkhave, sammā-saṅkappo Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tư duy
Nekkhamma-saṅkappo Tư duy về ly dục
Abyāpāda-saṅkappo tư duy về vô sân
avihiṃsā-saṅkappo tư duy về bất hại
ayaṃ vuccati bhikkhave, sammā-saṅkappo
Này các tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy

Katamā ca, bhikkhave, sammā-vācā Này các Tỷ kheo thế nào là Chánh ngữ
Musā-vādā veramaṇī Tự chế không nói láo
pisuṇāya vācāya veramaṇī tự chế không nói hai lưỡi
pharusāya vācāya veramaṇī tự chế không ác khẩu
samphappalāpā veramaṇī tự chế không nói lời phù phiếm
ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-vācā
Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ

Katamo ca, bhikkhave, sammā-kammanto
Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh nghiệp

Pāṇā'tipātā veramaṇī Tự chế không sát sanh

Adinnā'dānā veramaṇī tự chế không lấy của không cho

kāmesu-micchācārā veramaṇī tự chế không tà dâm

ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-kammanto

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp

Katamo ca, bhikkhave, sammā-ājīvo

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh mạng

Idha, bhikkhave, ariya-sāvako micchā-ājīvaṃ pahāya

Này các Tỷ kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng

sammā-ājīvena jīvaṃ kappeti sinh sống bằng chánh mạng

ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-ājīvo

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh mạng

Katamo ca, bhikkhave, sammā-vāyāmo

Này các Tỷ kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu anuppanānaṃ pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ

anuppādāya Tỷ kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ý muốn không cho sanh khởi

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí

uppanānaṃ pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya

Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ý muốn cố gắng

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí trừ diệt (ác pháp)

anuppanānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ uppādāya

Đối với các thiện pháp chưa sanh

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí

uppannānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ ʈhitiyā

Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú

asammosāya bhiiyo-bhāvāya không cho băng hoại, khiến cho tăng thịnh

vepullāya bhāvanāya pāripūriyā khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn

chandaṃ janeti vāyamati khởi lên ước muốn cố gắng

vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati

Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí

Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-vāyāmo

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn

Katamā ca, bhikkhave, sammā-sati Tỷ kheo, thế nào là Chánh niệm

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu kāye kāyā'nupassī viharati vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

vedanāsu vedanā'nupassī viharati quán thọ trên các cảm thọ

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

citte cittā'nupassī viharati quán tâm trên các tâm

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời

dhammesu dhammā'nupassī viharati quán pháp trên các pháp

ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā-domanassaṃ

tinh cần tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời

Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā-sati Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh niệm

Katamo ca, bhikkhave, sammā-samādhī

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định

Idha, bhikkhave Này các Tỷ kheo, ở đây

bhikkhu vivicca kāmehi vivicca akusalehi dhammehi

Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp

savitakkaṃ savicāraṃ với tâm, với tứ

vivekaṃ pītisukhaṃ một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh

paṭhamam jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ nhất

Vitakka-vicārānaṃ vūpasamā Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ
ajjhataṃ sampasādanaṃ nội tĩnh
cetaso ekodi-bhāvaṃ nhất tâm
avittakkaṃ avicāraṃ không tầm, không tứ
samādhijaṃ pītisukhaṃ một trạng thái hỷ lạc do định sanh
dutiyaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ hai

Pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả
sato ca sampajāno chánh niệm tỉnh giác
sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti thân cảm sự lạc thọ
yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti mà các bậc Thánh gọi
‘upekkhako satimā sukhavihārī’ti là xả niệm lạc trú,
tatiyaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ ba

Sukhassa ca pahānā dukkhassa ca pahānā Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ
pubbeva somanassa-domanassānaṃ atthaṅgamā
diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước
adukkhamasukhaṃ upekkhā-sati-pārisuddhiṃ
không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh
catutthaṃ jhānaṃ upasampajja viharati chứng và trú Thiền thứ tư
Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammā- samādhi
Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh định

Idaṃ vuccati, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là
Dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ Khổ diệt đạo thánh đế

Iti ajjhataṃ vā dhammesu dhammā’ nupassī viharati
Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp
bahiddhā vā dhammesu dhammā’ nupassī viharati
hay sống quán pháp trên các ngoại pháp
ajjhata-bahiddhā vā dhammesu dhammā’ nupassī viharati
hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp
Samudaya-dhammā’ nupassī vā dhammesu viharati
Hay sống quán tánh sanh khởi trên các pháp
Vaya-dhammā’ nupassī vā dhammesu viharati
hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp

samudaya-vaya-dhammā'nupassī vā dhammesu viharati

hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp

'Atthi dhammā'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati

với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa

na ca kiñci loke upādiyati không chấp trước một vật gì trên đời

Evam'pi kho, bhikkhave Này các Tỷ kheo, như vậy

bhikkhu dhammesu dhammā'nupassī viharati

Tỷ kheo sống quán pháp trên các pháp

catūsu ariya-saccesu đối với Bốn Thánh đế

Saccapabbam niṭṭhitam

dứt phần sự thật

Dhammā'nupassanā niṭṭhitā

dứt phần quán Pháp

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo, vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne evam bhāveyya tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy

satta-vassāni trong bảy năm

tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkham

vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây

diṭṭheva dhamme aññā Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại

sati vā upādisese anāgāmitā hai là nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn

Tiṭṭhantu, bhikkhave, satta-vassāni không cần gì đến bảy năm

Yo hi koci, bhikkhave, Này các Tỷ kheo, một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evam bhāveyya cha vassāni tu tập như vậy trong sáu năm...

...pe...

pañca vassāni trong năm năm...

cattāri vassāni trong bốn năm...

tīṇi vassāni trong ba năm...

dve vassāni... trong hai năm...

ekam vassam... trong một năm

Tiṭṭhatu, bhikkhave, ekaṃ vassaṃ

Này các Tỷ kheo, không cần gì đến một năm

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evaṃ bhāveyya satta-māsāni tu tập như vậy trong bảy tháng

tassa dvinnam phalaṇam aññataram phalam pāṭikaṅkham

vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây:

diṭṭheva dhamme aññā Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại

sati vā upādisese anāgāmitā hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn

Tiṭṭhantu, bhikkhave, satta māsāni Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ kheo một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evaṃ bhāveyya cha māsāni tu tập như vậy trong sáu tháng

...pe...

pañca māsāni trong năm tháng...

cattāri māsāni trong bốn tháng...

tīṇi māsāni trong ba tháng...

dve māsāni trong hai tháng...

ekaṃ māsam ... aḍḍhamāsam... trong một tháng...trong nửa tháng...

Tiṭṭhatu, bhikkhave, aḍḍha-māso Này các Tỷ kheo, không cần gì nửa tháng

Yo hi koci, bhikkhave Này các Tỷ-kheo một vị nào

ime cattāro sati-paṭṭhāne Bốn Niệm xứ này

evaṃ bhāveyya sattā'ham tu tập trong bảy ngày

tassa dvinnam phalaṇam aññataram phalam pāṭikaṅkham

vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây:

diṭṭheva dhamme aññā Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại

sati vā upādisese anāgāmitā'ti hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn

Ekāyano ayam, bhikkhave, maggo sattānaṃ visuddhiyā

Này các Tỷ kheo, đây là Ta đường độc nhất đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh,

Soka-paridevānaṃ samatikkamāya vượt khỏi sầu bi

Dukkha-domanassānaṃ atthaṅgamāya diệt trừ khổ ưu

ñāyassa adhigamāya thành tựu Chánh trí

nibbānassa sacchikiriyāya chứng ngộ Niết Bàn

yadidaṃ cattāro sati-paṭṭhānā'ti Đó là Bốn Niệm xứ

Iti yaṃ taṃ vuttaṃ như vậy (bài pháp) đó được thuyết

idametam paṭicca vuttan'ti đây là duyên được nói (bài pháp)

Idam-avoca bhagavā Thế tôn thuyết như vậy

Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī

các tỳ kheo hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn

Mahā-sati-paṭṭhāna-suttaṃ niṭṭhitaṃ

dứt Kinh Đại Niệm Xứ

KINH TỤNG
NGÀY THỨ TƯ

DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Uyyojana Gāthā

Kệ Khai Kinh Chuyển-Pháp-Luân

Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnaṃ	Nhóm năm vị Tỳ Khưu
Isipatana nāmake	Tại nơi gọi là Nơi Chư Phật Độc Giác ngự xuống
Migadāye dhammavaraṃ	Tại vườn nai, Pháp cao thượng
Yaṃ taṃ Nibbāna pāpakaṃ	Điều ấy (bài pháp) dẫn đến Niết Bàn
Sahampati nāmakena mahābrahmena yācito	Có tên là Sá-hăm-pá-tí Do đại phạm thiên thỉnh cầu
Catusaccaṃ pakāsento	Thuyết giảng Tứ Đế
Lokanātho adesayi	Bậc thế gian nương tựa (Đức Phật) đã thuyết giảng
Nanditaṃ sabbavedehi sabbasampatti sādhakaṃ	Tất cả chư thiên hoan hỷ Tất cả đạt được sự thành tựu (an vui, giác ngộ, Niết Bàn)
Sabbalokahitathāya	Với tất cả lợi ích đó
Dhammacakkaṃ bhaṇāma he	Chúng tôi xin tụng bài Chuyển Pháp Luân

Vị Đại-Phạm-thiên Sa-ham-pa-ti, Thỉnh cầu Đức-Phật, thuyết pháp độ sinh,
Đức-Phật đại bi nhận lời cầu thỉnh Thuyết pháp giảng giải pháp tứ Thánh-đế,
Chánh pháp cao thượng chứng ngộ Niết-bàn Tế độ chúng sinh, nhóm năm tỳ-khưu
Tại khu rừng rậm, nơi phóng sinh nai Tên gọi là I-si-pa-ta-na,
Mong sự lợi ích cho toàn chúng-sinh, Lắng nghe bài kinh Chuyển-Pháp-Luân này
Thành tựu kết quả cõi người, cõi trời, Niết-bàn tịch tịnh an lạc tuyệt đối
Chúng tôi tụng kinh Chuyển-Pháp-Luân ấy

Ekam samayaṃ bhagavā bārāṇasiyaṃ viharati isi-patane miga-dāye

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai

Tatra kho bhagavā pañca-vaggiye bhikkhū āmantesi

Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỳ-kheo

“dveme, bhikkhave, antā pabbajitena na sevitabbā

Có hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo

Katame dve Thế nào là hai?

Yo cā’yaṃ kāmesu kāma-sukhallikānuyogo Một là đắm say trong các dục

hīno gammo pothujjaniko anariyo anatta-saṃhito

hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích

yo cā'yaṃ atta-kilamathā'nuyogo Hai là tự hành khổ mình

dukkho anariyo anatta-saṃhito

khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích

Ete kho, bhikkhave, ubho ante anupagamma

Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo

majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā

là Ta đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác

cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī tác thành mắt, tác thành trí

upasamāya abhiññāya đưa đến an tịnh, thắng trí

sambodhāya nibbānāya saṃvattati giác ngộ, Niết-bàn

Katamā ca sā, bhikkhave, majjhimā paṭipadā

Và thế nào là Ta đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo

tathāgatena abhisambuddhā do Như Lai chánh giác

cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī, tác thành mắt, tác thành trí

upasamāya abhiññāya đưa đến an tịnh thắng trí

sambodhāya nibbānāya saṃvattati giác ngộ, Niết-bàn?

Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo Chính là Ta đường Thánh đạo Tám ngành

seyyathidaṃ tức là:

sammā-diṭṭhi sammā-saṅkappo chánh tri kiến, chánh tư duy

sammā-vācā sammā-kammanto chánh ngữ, chánh nghiệp

sammā-ājīvo sammā-vāyāmo chánh mạng, chánh tinh tấn

sammā-sati sammā-samādhi chánh niệm, chánh định

Ayaṃ kho sā, bhikkhave, majjhimā paṭipadā

Đây là Ta đường trung đạo, này các Tỷ-kheo

tathāgatena abhisambuddhā do Như Lai chánh giác

cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī tác thành mắt, tác thành trí

upasamāya abhiññāya đưa đến an tịnh, thắng trí

sambodhāya nibbānāya saṃvattati giác ngộ, Niết-bàn.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkhaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo

Jāti'pi dukkhā, jarā'pi dukkhā Sanh là khổ, già là khổ

Byādhi'pi dukkho, maraṇam'pi dukkhaṃ bệnh là khổ, chết cũng là khổ

appiyehi sampayogo dukkho oán gặp nhau là khổ

piyehi vippayogo dukkho ái biệt ly là khổ

yam'pi'cchaṃ na labhati tam'pi dukkhaṃ cầu không được là khổ

saṃkhittena pañc'upādānak-khandhā dukkhā Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo

yāyaṃ taṇhā ponob-bhavikā chính là khát ái này đưa đến tái sanh

nandi-rāga-sahagatā tatra-tatrā'bhinandinī

câu hữu(đi cùng) với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia

seyyathidaṃ Tức là

kāma-taṇhā, bhava-taṇhā, vibhava-taṇhā dục ái, hữu ái, phi hữu ái

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo

yo tassāyeva taṇhāya chính là khát ái ấy(bị)

asesa-virāga-nirodho đoạn diệt không có dư sót

cāgo paṭinissaggo mutti anālayo sự quẳng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước

Idaṃ kho pana, bhikkhave này các Tỷ-kheo, Đây là

Dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ

Thánh đế về Ta Đường đưa đến Khổ diệt

ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo chính là Ta đường Thánh đạo Tám ngành

seyyathidaṃ— tức là

sammā-diṭṭhi sammā-saṅkappo chánh tri kiến, chánh tư duy

sammā-vācā sammā-kammanto chánh ngữ, chánh nghiệp

sammā-ājīvo sammā-vāyāmo chánh mạng, chánh tinh tấn

sammā-sati sammā-samādhi chánh niệm, chánh định

‘Idaṃ dukkhaṃ ariya-saccan’ti me, bhikkhave

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkhaṃ ariya-saccaṃ Đây là Thánh đế về Khổ

pariññeyyan’ti me, bhikkhave cần phải hiểu biết(tam giới là khổ), này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkhaṃ ariya-saccaṃ Đây là Thánh đế về Khổ

pariññātan’ti me, bhikkhave đã được hiểu biết(tam giới là khổ), này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Idaṃ dukkha-samudayaṃ ariya-saccan’ti me, bhikkhave

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Khổ tập

Pahā-tabban’ti me, bhikkhave cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkha-samudayaṃ ariya-saccaṃ Đây là Thánh đế về Khổ tập
pahīnan’ti me, bhikkhave đã được đoạ tận, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Idaṃ dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ’ti me, bhikkhave
Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta
pubbe ananussutesu dhammesu các pháp từ trước chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ
Đây là Thánh đế về Khổ diệt
Sacchikā-tabban’ti me, bhikkhave cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Taṃ kho pan’idaṃ dukkha-nirodhaṃ ariya-saccaṃ
Đây là Thánh đế về Khổ diệt
sacchikatan’ti me, bhikkhave đã được ta chứng ngộ, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu
đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh
paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh
āloko udapādi quang sanh

‘Idaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ’ti me, bhikkhave
Đây là Thánh đế về Ta Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo
pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

Taṃ kho pan'idaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Ta Đường đưa đến Khổ diệt

Bhāve-tabban'ti me, bhikkhave cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

'Taṃ kho pan'idaṃ dukkha-nirodha-gāminī paṭipadā ariya-saccaṃ

Đây là Thánh đế về Ta Đường đưa đến Khổ diệt

bhāvitān'ti me, bhikkhave đã được tu tập, này các Tỷ-kheo

pubbe ananussutesu dhammesu đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe

cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi nhãn sanh, trí sanh

paññā udapādi, vijjā udapādi tuệ sanh, minh sanh

āloko udapādi quang sanh

Yāva-kīvañca me, bhikkhave Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo

imesu catūsu ariya-saccesu trong bốn Thánh đế này

evaṃ ti-parivaṭṭaṃ dvā-dasā'kāraṃ với ba chuyển và 12 hành tướng như vậy

yathā-bhūtaṃ ñāṇa-dassanaṃ na suvisuddhaṃ ahoṣi

tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta

neva tāvā'haṃ, bhikkhave thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy

sadevake loke samāraḷe trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới

sabrahmake sassamaṇa-brāhmaṇiyā pajāya

Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn Bà-la-môn

Deva-manussāya chư Thiên và loài Người

'anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho'ti paccaññāsiṃ

Ta không chứng đắc vô thượng chánh giác Chánh Đẳng Giác

Yato ca kho me, bhikkhave Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo

imesu catūsu ariya-saccesu trong bốn Thánh đế này

evaṃ ti-parivaṭṭaṃ dvā-dasā'kāraṃ

với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy

yathā-bhūtaṃ ñāṇa-dassanaṃ suvisuddhaṃ ahoṣi

tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta

athā’haṃ, bhikkhave cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo

sadevake loke samāraḷe trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới

sabrahmaḷe sassaṃaṇa brāhmaṇiṃyā pajāya

Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn

Deva-manussāya chư Thiên và loài Người

’anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho’ti paccaññāsiṃ

Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác

Ñāṇaṇca pana me dassanaṃ udapādi Tri kiến khởi lên nơi Ta:

’akuppā me vimutti "Bát động là tâm giải thoát của Ta

ayamantimā jāti Đây là đời sống cuối cùng

natthidāni punab-bhavo’”ti nay không còn tái sinh nữa"

Idam-avoca bhagavā Thế Tôn thuyết giảng như vậy

Attamaṇā pañca-vaggiyā bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī Tín

thọ lời Phật dạy Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ

Imasmiṇca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne

Trong khi lời dạy này được tuyên bố

Āyasmato Koṇḍañña Tôn giả Koṇḍañña

virajaṃ vītamalaṃ không bợn nhơ, không cấu uế (là)

dhamma-cakkaṃ udapādi pháp nhãn khởi lên

”yaṃ kiñci samudaya-dhammaṃ "Phàm vật gì được tập khởi

sabbaṃ taṃ nirodha-dhammaṃ”ti tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt"

Pavattite ca pana bhagavatā dhamma-cakke

Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy

bhummā devā sadda-manussāvesuṃ chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên:

”etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân này

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā

(Pháp luân) không thể nghịch chuyển (nói ngược lại), bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất

Cātum-mahā-rājikā devā sadda-manussāvesuṃ

Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā

(Pháp luân) không thể nghịch chuyển(nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Cātum-mahā-rājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā

sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Tứ đại thiên vương

tāva-tiṃsā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên cõi ba mươi ba lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā

(Pháp luân) không thể nghịch chuyển(nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Tāva-tiṃsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā sau khi nghe tiếng chư thiên cõi 33
yāmā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên Dạ ma lớn tiếng nói lên
“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye
"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn
anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân
ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā
(Pháp luân) không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn
devena vā hay bởi chư Thiên
mārena vā hay bởi Ma vương
brahmunā vā hay bởi Phạm thiên
kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Dạ ma
tusitā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên Đâu suất lớn tiếng nói lên
“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye
"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn
anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân
ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn
devena vā hay bởi chư Thiên
mārena vā hay bởi Ma vương
brahmunā vā hay bởi Phạm thiên
kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā
sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Đâu suất (hoan hỷ với công đức đã làm)
Nimmāna-ratī devā sadda-manussāvesuṃ
chư thiên Hóa lạc thiên (tự hóa điều mình thích) lớn tiếng nói lên
“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye
"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn
anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân
ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn
brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Nimmāna-ratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā

sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Hóa lạc thiên

Para-nimmita-vasavattī devā sadda-manussāvesuṃ

chư thiên Tha hóa tự tại(người khác tạo ra điều mình thích) nay lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời"

Para-nimmita-vasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā

sau khi nghe tiếng chư thiên cõi Tha hóa tự tại

brahma-kāyikā devā sadda-manussāvesuṃ chư thiên Phạm thiên nay lớn tiếng nói lên

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isi-patane miga-dāye

"Nay ở Ba-la-nại, chỗ chư Thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, Thế Tôn

anuttaraṃ dhamma-cakkaṃ pavattitaṃ chuyển vô thượng Pháp luân

ap-paṭivattiyaṃ samaṇena vā không thể nghịch chuyển (nói ngược lại) bởi Sa-môn

brāhmaṇena vā hay bởi Bà-la-môn

devena vā, hay bởi chư Thiên

mārena vā hay bởi Ma vương

brahmunā vā hay bởi Phạm thiên

kenaci vā lokasmin”ti hay bất cứ một ai ở đời".

Itiha tena khaṇena tena Như vậy, trong sát-na ấy

layena tena muhuttena trong khoảnh khắc ấy ,trong giây phút ấy

yāva brahma-lokā saddo abbhuggacchi tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới
Ayañca dasa-sahassi lokadhātu Và mười ngàn thế giới này
sañkampi sampakampi sampavedhi chuyển động, rung động, chuyển động mạnh
appamāṇo ca uḷāro obhāso Và một hào quang vô lượng, quảng đại
loke pāturaḥosi phát chiếu ra ở đời
atikkamma devānaṃ devā'nubhāvanti vượt quá uy lực chư Thiên

Atha kho bhagavā imaṃ udānaṃ udānesi

Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:

“aññāsi vata, bho, koṇḍañña "Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña (Kiều-trần-như)

aññāsi vata, bho, koṇḍañña”ti! Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña!"

Iti hidamaṃ āyasmato koṇḍañña Như vậy Tôn giả Koṇḍañña

‘aññāsi-koṇḍañña’ tveva nāmaṃ ahoṣīti

được tên là Aññākoṇḍañña (A-nhã Kiều-trần-như)

Atha kho āyasmā aññāsi-koṇḍañña khi đó Đại Đức Aññāsikoṇḍañña

diṭṭha-dhammo patta-dhammo

Sau khi đã thấy Pháp(Tứ Thánh Đế) đã thành tựu Pháp(Tứ Thánh Đế)

vidita-dhammo pariyoḡha-dhammo

đã hiểu Pháp(Tứ Thánh Đế), đã thấm nhuần Pháp(Tứ Thánh Đế)

tiṇṇa-vicikiccho vigata-kathaṃ-katho hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn

vesārajjap-patto aparap-paccayo

thành tựu niềm tin, không còn cần sự trợ duyên của người khác

satthu-sāsane bhagavantaṃ etadavoca

vào nơi Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, (Tôn giả Aññāsikoṇḍañña) đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Labheyyā’haṃ bhante, bhagavato santike pabbajjaṃ

Bạch ngài, Ta có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không?

labheyyaṃ upasampadan”ti Ta có thể tu lên bậc trên không?

“Ehi bhikkhū”ti bhagavā avoca Đức Thế Tôn đã nói rằng: - Này tỳ khuru, hãy đến

“Svākkhāto dhammo, cara brahma-cariyaṃ

Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh

sammā dukkhassa anta-kiriyaṃ”ti một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau

Sāva tassa āyasmato upasampadā ahoṣīti Đấy đã là sự tu lên bậc trên của Tôn giả

Dhamma-cakkappavattana-suttaṃ niṭṭhitam

chấm dứt bài kinh Chuyển Pháp Luân

KINH TỤNG
NGÀY THỨ NĂM

ANATTA-LAKKHAṆA SUTTA

Kinh Vô Ngã Tướng

Uyyojana Gāthā

Kệ Khai Kinh Vô Ngã Tướng

Dhamma-cakkaṃ pavattetvā Sau khi chuyển Pháp luân
āsaḥiyam hi puṇṇāme vào ngày rằm tháng 6
Nagare Bārāṇasiyaṃ gần kinh thành Bārāṇasī
Isipatanavhaye vane tại khu rừng tên Isipatana
Pāpetvādiphalaṃ nesam khi nhóm 5 vị tỳ khưu đã chứng đắc quả Đầu tiên
anukkamena desayi tuần tự (khi Đức Thế Tôn) thuyết bài kinh này
Yaṃ taṃ pakkhassa pañcamyaṃ nhằm ngày thứ 5 của tuần trăng xuống
vimuttatthaṃ bhanāma he vì mục đích giải thoát giác ngộ. Nay quý vị thiện tri
thức, nay chúng tôi tụng bài kinh ấy

Ekam samayaṃ bhagavā bārāṇasiyaṃ viharati isi-patane miga-dāye

Một thời Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển

Tatra kho bhagavā pañca-vaggiye bhikkhū āmantesi

Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo

“bhikkhavo”ti : "Này các Tỷ-kheo"

“Bhadante”ti -- "Thưa vâng bạch Thế Tôn"

te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

“Rūpaṃ, bhikkhave, anattā Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã

Rūpañca hidaṃ, bhikkhave, attā abhaviṣṣa Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã

nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya samvatteyya thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn

labbhettha ca rūpe và có thể được các sắc như sau

‘evaṃ me rūpaṃ hotu "Mong rằng sắc của Ta là như thế này!"

evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng sắc của Ta chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, rūpaṃ anattā Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã

tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn
na ca labbhati rūpe và không thể có được các sắc
‘evaṃ me rūpaṃ hotu "Mong rằng sắc của Ta như thế này!
evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng sắc của Ta chẳng phải như thế này!"

Vedanā anattā Thọ là vô ngã
Vedanā ca hidamaṃ, bhikkhave, attā abhavissa Nay các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã
nayidaṃ vedanā ābādhāya saṃvatteyya thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn
labbhetha ca vedanāya và có thể được các thọ như sau:
‘evaṃ me vedanā hotu "Mong rằng thọ của Ta như thế này!
evaṃ me vedanā mā ahoṣī’ti Mong rằng thọ của Ta chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, vedanā anattā Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã
tasmā vedanā ābādhāya saṃvattati Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn
na ca labbhati vedanāya và không thể có được các thọ
‘evaṃ me vedanā hotu "Mong rằng thọ của Ta như thế này!
evaṃ me vedanā mā ahoṣī’ti Mong rằng thọ của Ta chẳng phải như thế này!"

Saññā anattā Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã
Saññā ca hidamaṃ, bhikkhave, attā abhavissa Nay các Tỷ-kheo, nếu tưởng là ngã
nayidaṃ saññā ābādhāya saṃvatteyya thời tưởng không thể đi đến bệnh hoạn
labbhetha ca saññāya và có thể được các tưởng như sau:
‘evaṃ me saññā hotu"Mong rằng tưởng của Ta như thế này!
evaṃ me saññā mā ahoṣī’ti Mong rằng tưởng của Ta chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, saññā anattā Và này các Tỷ-kheo, vì tưởng là vô ngã
tasmā saññā ābādhāya saṃvattati Do vậy, tưởng đi đến bệnh hoạn
na ca labbhati saññāya và không thể có được các tưởng:
‘evaṃ me saññā hotu "Mong rằng tưởng của Ta như thế này!
evaṃ me saññā mā ahoṣī’ti Mong rằng tưởng của Ta chẳng phải như thế này!"

Saṅkhārā anattā Các hành là vô ngã
Saṅkhārā ca hidamaṃ, bhikkhave, attā abhavissaṃsu
này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã
nayidaṃ saṅkhārā ābādhāya saṃvatteyyuṃ
thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn

labbheṭṭha ca saṅkhāresu và có thể được các hành như sau:

‘evaṃ me saṅkhārā hontu "Mong rằng các hành của Ta như thế này!"

evaṃ me saṅkhārā mā ahesun’ti Mong rằng các hành của Ta chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, saṅkhārā anattā Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã

tasmā saṅkhārā ābādhāya saṃvattanti Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn

na ca labbhati saṅkhāresu và không thể có được các hành:

‘evaṃ me saṅkhārā hontu "Mong rằng các hành của Ta như thế này"

evaṃ me saṅkhārā mā ahesun’ti Mong rằng các hành của Ta không phải như thế này!"

Viññāṇaṃ anattā Thức là vô ngã

Viññāṇaṅca hidaṃ, bhikkhave, attā abhaviṣṣa này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã

nayidaṃ viññāṇaṃ ābādhāya saṃvatteyya thì thức không thể đi đến bệnh hoạn

labbheṭṭha ca viññāṇe và có thể có được các thức như sau:

‘evaṃ me viññāṇaṃ hotu "Mong rằng thức của Ta như thế này!"

evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng thức của Ta chẳng phải như thế này!"

Yasmā ca kho, bhikkhave, viññāṇaṃ anattā Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã

tasmā viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattati Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn

na ca labbhati viññāṇe và không có thể có được thức:

‘evaṃ me viññāṇaṃ hotu "Mong rằng thức của Ta như thế này!"

evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣī’ti Mong rằng thức của Ta chẳng phải như thế này!"

Taṃ kiṃ maññatha, bhikkhave Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào?

rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā”ti Sắc là thường hay vô thường?

“Aniccaṃ, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassitaṃ có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham’asmi" Cái này là của Ta, cái này là Ta

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Ta"?

“No hetamaṃ, bhante” Thừa không, bạch Thế Tôn

Vedanā niccā vā aniccā vā”ti Thọ là thường hay vô thường?

“Aniccā, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham’asmi” Cái này là của Ta, cái này là Ta

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Ta”?

“No hetaṃ, bhante” Thừa không, bạch Thế Tôn

Saññā niccā vā aniccā vā”ti Tưởng là thường hay vô thường?

“Aniccā, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham’asmi” Cái này là của Ta, cái này là Ta

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Ta”?

“No hetaṃ, bhante” Thừa không, bạch Thế Tôn

Saṅkhārā niccā vā aniccā vā”ti Các Hành là thường hay vô thường?

“Aniccā, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham’asmi” Cái này là của Ta, cái này là Ta

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Ta”?

“No hetaṃ, bhante” Thừa không, bạch Thế Tôn

Viññāṇaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā”ti Thức là thường hay vô thường?

“Aniccaṃ, bhante” Là vô thường, bạch Thế Tôn!

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

“Dukkhaṃ, bhante” Là khổ, bạch Thế Tôn

“Yaṃ panā’niccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại

kallaṃ nu taṃ samanupassitum có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

‘etaṃ mama, eso’ham’asmi” Cái này là của Ta, cái này là Ta,

eso me attā’ti cái này là tự ngã của Ta”?

“No hetam, bhante” Thừa không, bạch Thế Tôn.

“Tasmātiha, bhikkhave Do vậy, này các Tỷ-kheo

yaṃ kiñci rūpaṃ atītā’nāgata- paccuppannaṃ phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại

ajjhattaṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

yaṃ dūre santike vā xa hay gần

sabbaṃ rūpaṃ– n’etaṃ mama, n’eso’ham’asmi

(thấy)tất cả sắc"Cái này không phải của Ta, cái này không phải là Ta

na m’eso attā’ti cái này không phải tự ngã của Ta"

evameva yathā-bhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả sắc) như vậy

Yā kāci vedanā atītā’nāgata-paccuppannā Phàm thọ gì quá khứ, vị lai, hiện tại

ajjhattaṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại

oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā thô hay tế

hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng

yā dūre santike vā xa hay gần

sabbā vedanā– n’etaṃ mama, n’eso’ham’asmi

(thấy) tất cả thọ : "Cái này không phải của Ta, cái này không phải là Ta

na meso attā’ti cái này không phải tự ngã của Ta"

evameva yathā-bhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ

cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả thọ) như vậy

Yā kāci saññā atītā'nāgata-paccuppanā Phàm tưởng gì quá khứ, vị lai, hiện tại
ajjhataṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại
oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā thô hay tế
hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng
yā dūre santike vā xa hay gần
sabbā saññā– n'etaṃ mama, n'eso'ham'asmi
(thấy) tất cả tưởng : "Cái này không phải của Ta, cái này không phải là Ta
na meso attā'ti cái này không phải tự ngã của Ta"
evametaṃ yathā-bhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ
cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả thức) như vậy

Ye keci saṅkhārā atītā'nāgata-paccuppanā
Phàm các hành gì quá khứ, vị lai, hiện tại
ajjhataṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại
oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā thô hay tế
hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng
ye dūre santike vā xa hay gần
sabbe saṅkhārā– n'etaṃ mama, n'eso'ham'asmi
(thấy) tất cả các hành:"Cái này không phải của Ta, cái này không phải là Ta
na m'eso attā'ti cái này không phải tự ngã của Ta"
evametaṃ yathā-bhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ
cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả các hành) như vậy

Yaṃ kiñci viññāṇaṃ atītā'nāgata-paccuppanaṃ
Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại
ajjhataṃ vā bahiddhā vā thuộc nội hay ngoại
oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā thô hay tế
hīnaṃ vā paṇītaṃ vā liệt hay thắng
yaṃ dūre santike vā xa hay gần
sabbaṃ viññāṇaṃ – n'etaṃ mama, n'eso'ham'asmi
(thấy) tất cả thức:"Cái này không phải của Ta cái này không phải là Ta
na m'eso attā'ti cái này không phải tự ngã của Ta"
evametaṃ yathā-bhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ
cần phải như thật quán với chánh trí tuệ (tất cả các thức) như vậy

“Evaṃ passaṃ, bhikkhave, sutavā ariya-sāvako

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử

Rūpasmim’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với sắc

Vedanāya’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với thọ

Saññāya’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với tưởng

saṅkhāresu’pi nibbindati yếm y (nhàm chán) đối với các hành

viññāasmim’pi nibbindati yếm ly (nhàm chán) đối với thức

Nibbindaṃ virajjati Do yếm ly (nhàm chán), vị ấy ly tham

virāgā vimuccati Do ly tham, vị ấy giải thoát

Vimuttasmiṃ vimuttamiti ñāṇaṃ hoti

Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ:

‘Khīṇā jāti, vusitaṃ brahma-cariyaṃ "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành

kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā’ti pajānātī”ti

những việc nên làm (chúng ngộ Tứ Thánh Đế) đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"

Idamavoca bhagavā Thế Tôn thuyết như vậy

Attamanā pañca-vaggiyā bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandunṃ Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy

Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne Trong khi lời dạy này được nói lên

pañca- vaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya

(tâm) của nhóm năm vị Tỷ-kheo không có chấp thủ

āsavehi cittāni vimuccimsū’ti tâm (của 5 vị) được giải thoát khỏi các lậu hoặc

Anatta-lakkhaṇa-suttaṃ niṭṭhitaṃ

Chấm dứt bài kinh Vô Ngã Tướng

KINH TỤNG
NGÀY THỨ SÁU

Paṭiccasamuppādavibhaṅgo

DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH

Suttantabhājanīyaṃ

Phân tích theo Kinh

Avijjā-paccayā saṅkhārā, saṅkhāra-paccayā viññāṇaṃ

Hành có do duyên vô minh, thức có do duyên hành

viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ, nāma-rūpapaccayā saḷā'yatanam

danh sắc có do duyên thức, lục nhập có do duyên danh sắc

saḷā'yatana-paccayā phasso, phassa-paccayā vedanā

xúc có do duyên lục nhập, thọ có do duyên xúc

vedanā-paccayā taṇhā, taṇhā-paccayā upādānaṃ

ái có do duyên thọ, thủ có do duyên ái

upādāna-paccayā bhavo, bhava-paccayā jāti

hữu có do duyên thủ, sanh có do duyên hữu

jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ soka-parideva-dukkha- domanassupāyāsā

sambhavanti lão tử sầu bi khổ ưu ai có do duyên sanh

Evametassa kevalassa dukkhak-khandhassa samudayo hoti

như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

Tattha katamā avijjā Ở đây, vô minh là như thế nào?

Dukkhe aññāṇaṃ, dukkha-samudaye aññāṇaṃ

Sự không hiểu về khổ, sự không hiểu về khổ tập

Dukkha-nirodhe aññāṇaṃ, dukkha-nirodha-gāminiyā paṭipadāya

aññāṇaṃ sự không hiểu về khổ diệt, sự không hiểu về khổ diệt hành lộ

ayaṃ vuccati “avijjā” Đây gọi là vô minh

Tattha katame avijjā-paccayā saṅkhārā Ở đây, thế nào là hành do duyên vô minh?

Puññā'bhisaṅkhāro, apuññā'bhisaṅkhāro Tức là phúc hành, phi phúc hành

Āneñjā'bhisaṅkhāro, kāya-saṅkhāro bất động hành, thân hành

Vacī-saṅkhāro, citta-saṅkhāro khẩu hành, ý hành

Tattha katamo puññā'bhisaṅkhāro Ở đây, phúc hành là thế nào?

Kusalā cetaṇā kāmā'vacarā rūpā'vacarā Tư thiện dục giới, sắc giới

Dāna-mayā sīla-mayā bhāvanā-mayā do bố thí thành, trì giới thành, tu tiến thành
ayaṃ vuccati “puññā’bhisāṅkhāro” Đây gọi là phúc hành

Tattha katamo apuññā’bhisāṅkhāro Ở đây, phi phúc hành là thế nào?
Akusalā cetanā kāmā’vacarā Tư bất thiện dục giới
ayaṃ vuccati “apuññā’bhisāṅkhāro” đây gọi là phi phúc hành

Tattha katamo āneñjā’bhisāṅkhāro Ở đây, bất động hành là thế nào?
Kusalā cetanā arūpā’vacarā Tư thiện vô sắc giới
ayaṃ vuccati “āneñjā’bhisāṅkhāro” Đây gọi là bất động hành

Tattha katamo kāya-saṅkhāro Ở đây, thân hành là thế nào?
Kāya-sañcetanā kāya-saṅkhāro Tác ý khiến biểu hiện nơi thân gọi là thân hành
vacī-sañcetanā vacī-saṅkhāro tác ý khiến biểu hiện ở khẩu gọi là khẩu hành
mano-sañcetanā citta-saṅkhāro tác ý khiến biểu hiện ở tâm gọi là Tâm hành
Ime vuccanti “avijjā-paccayā saṅkhārā” Đây gọi là hành do duyên vô minh

Tattha katamaṃ saṅkhāra-paccayā viññāṇaṃ
Ở đây, thế nào là thức do duyên hành
Cakkhu-viññāṇaṃ, sota-viññāṇaṃ Nhãn thức, nhĩ thức
Ghāna-viññāṇaṃ, jivhā-viññāṇaṃ tỷ thức, thiệt thức
Kāya-viññāṇaṃ, mano-viññāṇaṃ thân thức, ý thức
idaṃ vuccati “saṅkhāra-paccayā viññāṇaṃ” Đây gọi là thức do duyên hành

Tattha katamaṃ viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ
Ở đây, thế nào là danh sắc do duyên thức?
Atthi nāmaṃ, atthi rūpaṃ Có danh, có sắc

Tattha katamaṃ nāmaṃ Ở đây, danh là thế nào?
Vedanāk-khandho, saññāk-khandho Tức thọ uẩn, tưởng uẩn
saṅkhārak-khandho idaṃ vuccati “nāmaṃ” hành uẩn. Đây gọi là danh

Tattha katamaṃ rūpaṃ Ở đây, thế nào là sắc
Cattāro mahā-bhūtā Tức bốn đại hiện

catunnañca mahā-bhūtānaṃ upādāya rūpaṃ và sắc nương bốn đại hiển

idaṃ vuccati “rūpaṃ” Đây gọi là sắc

Iti idañca nāmaṃ, idañca rūpaṃ Như vậy, đây là danh, đây là sắc

Idaṃ vuccati “viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ”

Đây gọi là danh sắc do duyên thức

Tattha katamaṃ nāma-rūpa-paccayā saḷā’yatanam

Ở đây, thế nào là lục nhập do duyên danh sắc?

Cakkhā’yatanam, sotā’yatanam Túc nhãn xúc, nhĩ xúc

Ghānā’yatanam, jivhā’yatanam tỷ xúc, thiệt xúc

Kāyā’yatanam, manā’yatanam thân xúc, ý xúc

idaṃ vuccati “nāma-rūpa-paccayā saḷā’yatanam”

Đây gọi là lục nhập do duyên danh sắc

Tattha katamo saḷā’yatana-paccayā phasso

Ở đây, thế nào là xúc do duyên lục nhập

Cakkhu-samphasso sota-samphasso Túc nhãn xúc, nhĩ xúc

Ghāna-samphasso jivhā-samphasso tỷ xúc, thiệt xúc

Kāya-samphasso mano-samphasso thân xúc, ý xúc

ayaṃ vuccati “saḷā’yatana-paccayā phasso” Đây gọi là xúc do duyên lục nhập

Tattha katamā phassa-paccayā vedanā Ở đây, thế nào là thọ do duyên xúc

Cakkhu-samphassajā vedanā Túc thọ sanh từ nhãn xúc

Sota-samphassajā vedanā thọ sanh từ nhĩ xúc

Ghāna-samphassajā vedanā thọ sanh từ tỷ xúc

Jivhā-samphassajā vedanā thọ sanh từ thiệt xúc

Kāya-samphassajā vedanā thọ sanh từ thân xúc

Mano-samphassajā vedanā thọ sanh từ ý xúc

ayaṃ vuccati “phassa-paccayā vedanā” Đây gọi là thọ do duyên xúc

Tattha katamā vedanā-paccayā taṇhā

Ở đây, thế nào là ái do duyên thọ?

Rūpa-taṇhā, sadda-taṇhā Túc sắc ái, thanh ái

Gandha-taṇhā, rasa-taṇhā hương ái, vị ái

phoṭṭhabba-tañhā, dhamma-tañhā xúc ái, pháp ái

ayaṃ vuccati “vedanā-paccayā tañhā” Đây gọi là ái do duyên thọ

Tattha katamaṃ tañhā-paccayā upādānaṃ

Ở đây, thế nào là thủ do duyên ái

Kām’upādānaṃ, diṭṭh’upādānaṃ Tức là dục thủ, kiến thủ

Sīlabbat’upādānaṃ, atta-vād’upādānaṃ

giới cấm thủ (tu hành ngoài bát chánh đạo), ngã luận chấp thủ (chấp rằng có 1 linh hồn trường cửu)

idaṃ vuccati “tañhā-paccayā upādānaṃ” Đây gọi là thủ do duyên ái

Tattha katamo upādāna-paccayā bhavo

Ở đây, thế nào là hữu do duyên thủ

Bhavo duvidhena Hữu phân theo hai loại:

atthi kamma-bhavo, atthi upapatti-bhavo có nghiệp hữu, có sanh hữu

Tattha katamo kamma-bhavo Ở đây, nghiệp hữu là thế nào?

Puññā’bhisāṅkhāro, apuññā’bhisāṅkhāro Tức phúc hành, phi phúc hành

āneñjā’bhisāṅkhāro— ayaṃ vuccati “kamma-bhavo”

bất động hành. Đây gọi là nghiệp hữu

Sabbam’pi bhava-gāmi-kammaṃ kamma-bhavo.

Tất cả nghiệp đưa đến hữu là nghiệp hữu

Tattha katamo upapatti-bhavo Ở đây, sanh hữu là thế nào?

Kāma-bhavo, rūpa-bhavo Tức là dục hữu, sắc hữu

Arūpa-bhavo, saññā-bhavo vô sắc hữu, tưởng hữu

Asaññā-bhavo, neva-saññā-nā’saññā-bhavo

vô tưởng hữu, phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu

Eka-vokāra-bhavo nhất uẩn hữu

Catu-vokāra-bhavo tứ uẩn hữu

Pañca-vokāra-bhavo ngũ uẩn hữu

ayaṃ vuccati “upapatti-bhavo” Đây gọi là sanh hữu

Iti ayañca kamma-bhavo, ayañca upapatti-bhavo

Nghiệp hữu này là như thế, sanh hữu này là như thế

Ayaṃ vuccati “upādāna-paccayā bhavo” đây gọi là hữu do duyên thủ

Tattha katamā bhava-paccayā jāti? Ở đây, thế nào là sanh do duyên hữu?

Yā tesam tesam sattānaṃ Đối với mỗi chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng chủng loại thân hữu tình ấy

jāti sañjāti okkanti abhinibbatti có sự kiện sanh ra, sanh khởi, hiện ra, phát ra

khandhānaṃ pātubhāvo hiện khởi các uẩn

āyatanānaṃ paṭilābho thành tựu các xứ

ayaṃ vuccati “bhava-paccayā jāti” Đây gọi là sanh do duyên hữu

Tattha katamaṃ jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ

Ở đây, thế nào là lão tử do duyên sanh

Atthi jarā, atthi maraṇaṃ Có lão, có tử

Tattha katamā jarā Ở đây, thế nào là lão

Yā tesam tesam sattānaṃ Đối với mỗi chúng sanh

tamhi tamhi sattanikāye trong từng chủng loại thân hữu tình ấy

jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā

sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn

āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại

ayaṃ vuccati “jarā” Đây gọi là già

Tattha katamaṃ maraṇaṃ Ở đây, tử là thế nào

Yaṃ tesam tesam sattānaṃ Đối với mỗi chúng sanh

tamhā tamhā sattanikāyā trong từng chủng loại thân hữu tình ấy

cuti cavanatā bhedo sự qua đời, đổi đời (kiếp sống khác), sự hư hoại

antaradhānaṃ maccu maraṇaṃ sự biến mất chết, tán vong

kāla-kiriyaṃ khandhānaṃ bhedo quá vãng, tan rã ngũ uẩn

kaḷavarassa nikkhepo sự vứt bỏ thân xác

jīvit’indriyassupacchedo dứt mạng quyền

idaṃ vuccati “maraṇaṃ” Đây gọi là tử

Iti ayañca jarā, idañca maraṇaṃ Lão này là như thế, tử này là như thế

Idaṃ vuccati “jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ” Đây gọi là lão tử

Tattha katamo soko Ở đây, sầu là thế nào?

Ñāti-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc thân quyến qua đời

Bhoga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc hư hoại tài sản

Roga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc bệnh tật hành hạ

Sīla-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc giới hạnh hư hỏng

diṭṭhi-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc tri kiến bị băng hoại

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa xảy ra điều suy vong nào đó

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa

hay gặp nỗi khổ nào đó

soko socanā socitattam

có sự lo âu sầu muộn (soka), sự buồn rầu (socanā), thái độ thương tiếc (socitatta)

antosoko anto-parisoko

phiền muộn trong lòng (antosoko), nóng nảy ray rức trong lòng (antoparisoko)

cetaso pariijhāyanā domanassam soka-sallam tâm tư chán nản thất vọng

(domanassa), rầu rĩ (pariijhāyanā), có cây gai sầu (sokasalla) khởi lên.

ayam vuccati “soko” Đây gọi là sầu (soko)

Tattha katamo paridevo Ở đây, bi là thế nào

Ñāti-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc thân quyến qua đời

Bhoga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc hư hoại tài sản

Roga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc bệnh tật hành hạ

Sīla-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc giới hạnh hư hỏng

diṭṭhi-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc tri kiến bị băng hoại

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa xảy ra điều suy vong nào đó

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa hay gặp nỗi khổ nào đó

ādevo paridevo có sự khóc than ai (ādevo), khóc than kẻ lẽ (parideva)

ādevanā paridevanā sự than khóc, sự la khóc

ādevitattam paridevitattam

thái độ khóc than ai (ādevitatta), thái độ khóc than kẻ lẽ (paridevitatta)

vācā palāpo vipalāpo lālappo

kêu la (vācā), nói nhảm (palāpa), kêu gào cãi vã (vipalāpa), ai oán than vãn (lālapa)

lālappanā lālappitattam sự ai oán than vãn (lālappanā), thái độ ai oán than vãn (lālappitatta)

ayam vuccati paridevo” Đây gọi là bi

Tattha katamaṃ dukkhaṃ Ở đây, khổ là thế nào

Yaṃ kāyikaṃ asātaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ

Tức là sự khó chịu trên thân, sự đau đớn thuộc về thân

Kāya-samphassaṃ asātaṃ dukkhaṃ vedayitaṃ

tình trạng cảm thọ khó chịu đau đớn sanh từ thân xúc

kāya-samphassajā asātā dukkhā vedanā

sự cảm giác khó chịu đau đớn sanh từ thân xúc.

idaṃ vuccati “dukkhaṃ” Đây gọi là khổ

Tattha katamaṃ domanassaṃ Ở đây, ưu là thế nào

Yaṃ cetasiṃ asātaṃ, cetasiṃ dukkhaṃ

Tức là sự bất an thuộc về tâm, sự đau đớn thuộc về tâm

Ceto-samphassaṃ asātaṃ dukkhaṃ vedayitaṃ

tình trạng cảm thọ bất an đau đớn sanh từ tâm xúc

ceto-samphassajā asātā dukkhā vedanā

sự cảm giác bất an đau đớn sanh từ tâm xúc.

idaṃ vuccati “domanassaṃ” Đây gọi là ưu

Tattha katamo upāyāso Ở đây, ai là thế nào

Ñāti-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc thân quyến qua đời

Bhoga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc hư hoại tài sản

Roga-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc bệnh tật hành hạ

Sīla-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc giới hạnh hư hỏng

diṭṭhi-byasanena vā phuṭṭhassa hoặc tri kiến bị băng hoại

aññataraññatarena byasanena samannāgatassa xảy ra điều suy vong nào đó

aññataraññatarena dukkha-dhammena phuṭṭhassa hay gặp nỗi khổ nào đó

āyāso upāyāso có sự thần thờ mệt mỏi (āyāso), rã rời, kiệt sức, tuyệt vọng (upāyāso)

āyāsitattaṃ upāyāsitattaṃ

trạng thái thần thờ mệt mỏi (āyāsitatta), trạng thái rã rời, kiệt sức, tuyệt vọng (upāyāsitatta)

ayaṃ vuccati “upāyāso” Đây gọi là ai

Evametassa kevalassa dukkha-k-khandhassa samudayo hotīti

như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

evametassa kevalassa dukkha-k-khandhassa saṅgati hoti

như vậy toàn bộ khổ uẩn này là sự hợp nhất

samāgamo hoti là sự tụ trung

samodhānaṃ hoti là sự kết hợp

pātubhāvo hoti là sự hình thành

Tena vuccati “evametassa kevalassa dukkha-k-khandhassa samudayo hotī”ti

Bởi lẽ ấy nên được nói: "như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

KINH TỤNG
NGÀY THỨ BẢY

Paṭṭhāna

Duyên hệ

Paccayuddeso

Phần Yếu Lực Đầu ĐỀ

Hetu-paccayo , ārammaṇa-paccayo	Nhân duyên, Cảnh duyên
adhipati-paccayo, anantara-paccayo	Trưởng duyên, Vô gián duyên
samanantara-paccayo, saha-jāta-paccayo	Đẳng vô gián duyên, Câu sanh duyên
Añña-mañña-paccayo, nissaya-paccayo	Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên
Upanissaya-paccayo, purejāta-paccayo	Cận y duyên, Tiền sanh duyên
pacchājāta-paccayo, āsevana-paccayo	Hậu sanh duyên, Trùng dụng duyên
Kamma-paccayo, vipāka-paccayo	Dị thời nghiệp duyên, Dị thực quả duyên
Āhāra-paccayo, indriya-paccayo	Vật thực duyên, Quyền duyên
Jhāna-paccayo, magga-paccayo	Thiền na duyên, Đò đạo duyên
sampayutta-paccayo, vippayutta-paccayo	Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên
Atthi-paccayo, natthi-paccayo	Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên
Vigata-paccayo, avigata-paccayo'ti.	Lý khứ duyên, Bất lý duyên

Paccayaniddeso

Phần Phân Giải Duyên

1. Hetu-paccayo'ti Nhân duyên như là

Hetū hetu-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānaṃ ca rūpānaṃ 6 nhân hỗ trợ cho Danh pháp tương ưng nhân và các Sắc pháp từ-đó-sanh (từ danh pháp tương ứng)

Hetu-paccayena paccayo bằng nhân duyên

2. Ārammaṇa-paccayo'ti cảnh duyên là

Rūpā'yatanaṃ cakku-viññāna-dhātuyā taṃ-sampayuttakānaṃ ca dhammānaṃ Sắc xứ(cảnh sắc) hỗ trợ cho Nhãn thức giới(nhãn thức) cùng các pháp tương ưng
ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Saddā'yatanaṃ sota-viññāna-dhātuyā taṃ-sampayuttakānaṃ ca dhammānaṃ

Thinh xú(cảnh tiếng) hỗ trợ cho Nhĩ thức giới(nhĩ thức) cùng các pháp tương ưng

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Hương xú(cảnh khí) hỗ trợ cho Tỷ thức giới(tỷ thức) cùng các pháp tương ưng

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Vị xú(cảnh vị) hỗ trợ cho Thiệt thức giới(tỷ thức) cùng các pháp tương ưng

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng Cảnh duyên

Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Xúc xú(cảnh xúc) hỗ trợ cho Thân thức giới(thân thức) cùng các pháp tương ưng

ārammaṇa-paccayena paccayo. bằng Cảnh duyên

Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ sắc xú,thinh xú ,hương xú,vị xú ,xúc xú hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp đồng sanh

ārammaṇa'paccayena paccayo bằng cảnh duyên

Sabbe dhammā mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ tất cả các pháp(Hữu vi và Vô vi) hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp đồng sanh

ārammaṇa-paccayena paccayo bằng cảnh duyên

Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabha ye ye dhammā uppajjanti citta-cetasikā dhammā

Chư pháp mà sanh khởi như chư pháp tâm và sở hữu tâm (tất cả các pháp làm đối tượng cho Danh pháp)

te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ ārammaṇa-paccayena

paccayo thì pháp ấy hỗ trợ chư pháp đó (thì luôn hỗ trợ cho Danh pháp) bằng cảnh duyên

3.Adhipati-paccayo'ti trưởng duyên là

Chandā'dhipati chanda-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ Dục trưởng (chandādhipati) hỗ trợ cho các Danh pháp tương ưng dục (chanda) và các sắc pháp từ-đó-sanh

adhipatipaccayena paccayo bằng trưởng duyên

Vīriyā'dhipati vīriya-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Cần trưởng hỗ trợ cho các Danh pháp tương ưng cần (viriya) các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo bằng cách trưởng duyên

Cittā'dhipati citta-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Tâm trưởng hỗ trợ cho các Danh pháp tương ứng tâm (citta) và các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo bằng trưởng duyên

Vīmaṃsā'dhipati vīmaṃsa-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ

Thẩm trưởng hỗ trợ cho các Danh pháp tương ứng thẩm (vīmaṃsā) và các sắc pháp từ-đó-sanh

Adhipati-paccayena paccayo bằng trưởng duyên

Yaṃ yaṃ dhammaṃ garuṃ katvā ye ye dhammā uppajjanti citta-cetasikā dhammā

Chư pháp mà sanh khởi như tâm và sở hữu tâm, lấy pháp chi làm trọng điểm (các pháp đóng vai trò quan trọng giúp tâm và tâm sở sanh khởi)

te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ adhipati-paccayena paccayo

thì pháp ấy trợ chư pháp đó (luôn hỗ trợ hai danh pháp đó:tâm và tâm sở)bằng cách trưởng duyên

4.Anantara-paccayo'ti vô gián duyên là

Cakkhu-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhãn thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Sota-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhĩ thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Ghāna-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Tỷ thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Jivhā-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thiệt thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Kāya-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thân thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo Hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng

mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng vô gián duyên

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng vô gián duyên

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký, sanh sau bằng vô gián duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng vô gián duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng vô gián duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng vô gián duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng vô gián duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Anantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng vô gián duyên

**Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ye ye dhammā uppajjanti citta-
cetasikā dhammā** Các pháp tâm và sở hữu tâm mà sanh khởi tiếp nối với pháp nào

te te dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo

thì pháp ấy hỗ trợ cho các pháp đó bằng vô gián duyên

5.Samanantara-paccayo'ti Đẳng vô gián duyên là:

Cakkhu-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhãn thức giới và pháp tương ưng

**Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-
paccayena paccayo** hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ưng bằng đẳng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ưng

**mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
samanantara-paccayena paccayo**

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng bằng đẳng vô gián duyên

Sota-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Nhĩ thức giới và pháp tương ưng

**Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-
paccayena paccayo** hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ưng bằng đẳng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ưng

**mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ
samanantara-paccayena paccayo**

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng bằng đẳng vô gián duyên

Ghāṇa-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Tỷ thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng đẳng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng
mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng đẳng vô gián duyên

Jivhā-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thiệt thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ứng bằng đẳng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng
mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng đẳng vô gián duyên

Kāya-viññāṇa-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā

Thân thức giới và pháp tương ứng

Mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng đẳng vô gián duyên

Mano-dhātu taṃ-sampayuttakā-ca dhammā Ý giới và pháp tương ứng
mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ samanantara-paccayena paccayo

hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ứng bằng đẳng vô gián duyên

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Samanantara-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng đẳng vô gián duyên

Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ samanantarā ye ye dhammā uppajjanti

citta-cetasikā dhammā Các pháp tâm và sở hữu tâm mà sanh khởi tiếp nối với pháp nào

te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ samanantara-paccayena

paccayo thì pháp ấy hỗ trợ cho các pháp đó bằng đẳng vô gián duyên

6.Saha-jāta-paccayo'ti Câu sanh(cùng sanh) duyên là:

**Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ Saha-jāta-paccayena
paccayo** Bốn pháp phi sắc(danh uẩn) hỗ trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo
Bốn đại hiện hỗ trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên

**Okkantik-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ Saha-jāta-paccayena
paccayo** Trong lúc tục sinh, danh-sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên

**Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ Saha-jāta-
paccayena paccayo**

Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ cho các sắc tâm sanh bằng câu sanh duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ Saha-jāta-paccayena paccayo
Sắc đại hiện hỗ trợ cho sắc y sinh bằng câu sanh duyên

**Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ kiñci kāle saha-jāta-
paccayena paccayo** Các pháp sắc đôi khi cũng hỗ trợ cho các pháp phi sắc bằng câu sanh duyên

kiñci kāle na saha-jāta-paccayena paccayo

đôi khi cũng không hỗ trợ bằng câu sanh duyên

7. Aññamañña-paccayo'ti Hỗ tương duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamañña-paccayena paccayo

Bốn pháp phi sắc hỗ trợ nhau bằng câu hỗ tương duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamañña-paccayena paccayo

Bốn đại hiện hỗ trợ nhau bằng hỗ tương duyên

Okkantik-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamañña-paccayena paccayo

Trong lúc tục sinh, Danh - sắc hỗ trợ nhau bằng hỗ tương duyên

8. Nissaya-paccayo'ti Y chỉ duyên như là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo

Bốn pháp phi sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo

Bốn đại hiện hỗ trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên

Okkantik-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo Trong lúc tục sinh, Danh - sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên

Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ nissaya-paccayena paccayo Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ cho các sắc tâm sanh bằng y chỉ duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ nissaya-paccayena paccayo

Sắc đại hiện, hỗ trợ cho sắc y sinh bằng y chỉ duyên

Cakkhā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Nissaya-paccayena paccayo

Nhãn xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng y chỉ duyên

Sotā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Nissaya-paccayena paccayo

Nhĩ xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng y chỉ duyên

Ghānā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Nissaya-paccayena paccayo

Tỷ xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng y chỉ duyên

Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Nissaya-paccayena paccayo

Thiệt xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng y chỉ duyên

Kāyā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Nissaya-paccayena paccayo

Thân xứ hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng bằng y chỉ duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti

Ý giới và ý thức giới diễn tiến nương sắc nào

**taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāṇa-dhātuyā-ca taṃ-
sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ**

thì sắc ấy hỗ trợ cho ý giới và ý thức giới cùng pháp tương ưng

nissaya-paccayena paccayo bằng y chỉ duyên

9.Upanissaya-paccayo'ti Cận y duyên là:

**Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng cận y duyên

**Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau Đôi khi bằng cận y duyên

**Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng cận y duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng cận y duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau Đôi khi bằng cận y duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng cận y duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
abyākatānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau bằng cận y duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp thiện sanh sau bằng cận y duyên

**Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Upanissaya-paccayena paccayo**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp bất thiện sanh sau bằng cận y duyên

Utu-bhojanam'pi upanissaya-paccayena paccayo

Môi trường - vật thực cũng hỗ trợ được bằng cận y duyên

Puggalo'pi upanissaya-paccayena paccayo Người cũng hỗ trợ được bằng cận y duyên

Senāsanam'pi upanissaya-paccayena paccayo Trú xứ cũng hỗ trợ được bằng cận y duyên. (Môi trường-vật thực ,Ta người, trú xứ cũng có thể xem là một thứ Cận Y Duyên)

10.Pure-jāta-paccayo'ti Tiền sanh duyên là:

Cakkhā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Nhãn xứ sanh trước hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Sotā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Nhĩ xứ sanh trước hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Ghānā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Tỷ xứ sanh trước hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Thiệt xứ sanh trước hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Kāyā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Thân xứ sanh trước hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Rūpā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Sắc xứ sanh trước hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Thinh xứ sanh trước hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Khí xứ sanh trước hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Vị xứ sanh trước hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ứng bằng tiền sanh duyên

Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānam Pure-jāta-paccayena paccayo

Xúc xứ sanh trước hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên

**Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam
phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ**

Sắc xứ, thanh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ sanh trước hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ưng

Pure-jāta-paccayena paccayo Bằng tiền sanh duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti

Sắc nào nương ý giới và ý thức giới đặng hiện hành

**taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ pure-
jāta-paccayena paccayo**

thì sắc ấy sanh trước hỗ trợ cho ý giới và pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên

**Mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ kiñci
kāle pure-jāta-paccayena paccayo**

có khi sanh trước hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng

kiñci kāle na pure-jāta-paccayena paccayo

cũng có khi không đặng làm Tiền sanh duyên

11.Pacchā-jāta-paccayoti Hậu sanh duyên là:

**Pacchā-jātā citta-cetasikā dhammā pure-jātassa imassa kāyassa
pacchājāta-paccayena paccayo**

Các pháp tâm và sở hữu tâm sanh sau hỗ trợ cho thân này sanh trước bằng hậu sanh duyên

12.Āsevana-paccayo'ti Trùng dụng(lặp đi lặp lại) duyên là:

**Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kusalānaṃ dhammānaṃ Āsevana-paccayena paccayo**

Pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp thiện sanh sau bằng trùng dụng duyên

**Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
akusalānaṃ dhammānaṃ Āsevana-paccayena paccayo**

Pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ pháp bất thiện sanh sau bằng trùng dụng duyên

**Purimā purimā kiriyā'byākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kiriya'byākatānaṃ dhammānaṃ**

Pháp vô ký sanh trước hỗ trợ cho pháp vô ký sanh sau

Āsevana-paccayena paccayo bằng trùng dụng duyên

13.Kamma-paccayo'ti Nghiệp duyên là:

Kusalā'kusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ kamma-paccayena paccayo

Nghiệp thiện và bất thiện hỗ trợ các uẩn (là) quả và sắc nghiệp tái tục (kaṭattārūpa) bằng nghiệp duyên

Cetanā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ kamma-paccayena paccayo

Tâm sở Tư (Cetanā) hỗ trợ các pháp tương ứng và sắc tâm sanh bằng nghiệp duyên

14.Vipāka-paccayo'ti -Dị thực quả duyên là:

Vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipāka-paccayena paccayo Bốn uẩn phi sắc (là) quả hỗ trợ lẫn nhau bằng dị thực quả duyên

15.Āhāra-paccayo'ti Vật thực duyên là:

Kabaḷikāro āhāro imassa kāyassa āhāra-paccayena paccayo

Đoàn thực (Kabaḷikāro āhāro) hỗ trợ cho thân này bằng vật thực duyên

Arūpino āhārā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ āhāra-paccayena paccayo

Các thực phi sắc(danh vật thực) hỗ trợ cho các pháp tương ứng và sắc (do) tâm sanh bằng vật thực duyên (Danh vật thực: xúc thực, tư niệm thực, thức thực)

16.Indriya-paccayo'ti Quyền duyên là:

Cakkhu'ndriyaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Indriya-paccayena paccayo

Nhãn quyền hỗ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ứng bằng quyền (cách cai quản) duyên

Sot'indriyaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Indriya-paccayena paccayo

Nhĩ quyền hỗ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ứng đó bằng quyền (cách cai quản) duyên

Ghān'indriyaṃ ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Indriya-paccayena paccayo

Tỷ quyền hỗ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ứng đó bằng quyền (cách cai quản) duyên

Jivh'indriyaṃ jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Indriya-paccayena paccayo

Thiệt quyền hỗ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ứng bằng quyền (cách cai quản) duyên

Kāy'indriyaṃ kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Indriya-paccayena paccayo

Thân quyền hỗ trợ cho thân thức giới và pháp tương ứng bằng quyền (cách cai quản) duyên

Rūpa-jīvit'indriyaṃ kaṭattā-rūpānaṃ indriya-paccayena paccayo

Sắc quyền hỗ trợ cho sắc tục sinh bằng quyền (cách cai quản) duyên

**Arūpino indriyā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ
samuṭṭhānānañca rūpānaṃ Indriya-paccayena paccayo**

Phi sắc quyền hỗ trợ cho pháp tương ứng và sắc đồng cơ sở bằng quyền (cách cai quản) duyên

17.Jhāna-paccayo'ti Thiền duyên là:

**Jhānaṅgāni jhāna-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-
samuṭṭhānānañ-ca rūpānaṃ Jhāna-paccayena paccayo**

Chi thiền hỗ trợ cho pháp tương ứng thiền và các sắc pháp đồng cơ sở ấy bằng cách Thiền duyên

18.Magga-paccayo'ti Đạo duyên là:

**Maggaṅgāni magga-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ
samuṭṭhānānañca rūpānaṃ Magga-paccayena paccayo**

Đạo hỗ trợ cho pháp tương ứng đạo và các sắc pháp đồng cơ sở ấy bằng Đạo duyên

19.Sampayutta-paccayo'ti Tương ứng duyên là :

**Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ sampayutta-paccayena
paccayo** Bốn uẩn phi sắc hỗ trợ nhau bằng cách Tương ứng duyên

20.Vippayutta-paccayo'ti Bất tương ứng duyên là:

**Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ vippayutta-paccayena
paccayo** Sắc pháp hỗ trợ pháp phi sắc bằng Bất tương ứng (không hòa trộn) duyên

**Arūpino dhammā rūpīnaṃ dhammānaṃ vippayutta-paccayena
paccayo** Pháp phi sắc hỗ trợ cho sắc pháp bằng Bất tương ứng(không hòa trộn) duyên

21.Atthi-paccayo'ti Hiện hữu duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ atthi-paccayena paccayo
Bốn uẩn phi sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ atthi-paccayena paccayo
Bốn đại hiện hỗ trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên

Okkantik-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ atthi-paccayena paccayo
Trong sát-na tục sinh, danh - sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên

**Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ atthi-paccayena
paccayo** Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ các sắc tâm sanh bằng hiện hữu duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ atthi-paccayena paccayo

Sắc đại hiển hỗ trợ sắc y sinh bằng hiện hữu duyên

Cakkhā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Nhãn xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Sotā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Nhĩ xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Ghānā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Tỷ xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Thiệt xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Kāyā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Thân xứ trợ thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu

Rūpā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Sắc xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu duyên

Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Thinh xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Khí xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Vị xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca dhammānaṃ Atthi-paccayena paccayo

Xúc xứ hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên

**Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam
phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānam** Sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ hỗ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng ấy
Atthi-paccayena paccayo bằng hiện hữu duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti Sắc
nào nương đỡ ý giới và ý thức giới đặng hiện hành
**taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāṇa-dhātuyā ca taṃ-
sampayuttakānañ-ca dhammānam**
thì sắc ấy hỗ trợ cho ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng
atthi-paccayena paccayo bằng hiện hữu duyên

22.Natthi-paccayo'ti Vô hữu duyên là:

**Samanantara-niruddhā citta-cetasikā dhammā paṭuppannam
citta-cetasikanam dhammanam**
Pháp tâm và sở hữu tâm vừa mới diệt hỗ trợ cho pháp tâm và sở hữu tâm tiếp tục sanh
Natthi-paccayena paccayo bằng vô hữu (vắng mặt) duyên

23.Vigata-paccayo'ti Ly khứ duyên là:

**Samanantara-vigatā citta-cetasikā dhammā paṭuppannam citta-
cetasikanam dhammanam Vigata-paccayena paccayo**
Pháp tâm và sở hữu tâm vừa mới diệt hỗ trợ cho pháp tâm và sở hữu tâm tiếp tục sanh
bằng ly khứ (lìa mất) duyên

24.Avigata-paccayo'ti Bất ly duyên là:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññam avigata-paccayena paccayo
Bốn uẩn phi sắc hỗ trợ nhau bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Cattāro mahā-bhūtā aññamaññam avigata-paccayena paccayo

Bốn đại hiện hỗ trợ nhau bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Okkantik-khaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññam avigata-paccayena
paccayo**

Vào sát na tục sinh, danh và sắc hỗ trợ lẫn nhau bằng bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānam rūpānam avigata-
paccayena paccayo**

Các pháp tâm và sở hữu tâm hỗ trợ các sắc do tâm sanh bằng bất ly duyên. Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Mahā-bhūtā upādāya-rūpānaṃ avigata-paccayena paccayo

Sắc đại hiển hỗ trợ sắc y sinh bằng cách chẳng lìa nhau. Bất ly(chẳng lìa nhau) duyên

**Cakkhā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Nhãn xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau)duyên

**Sotā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Nhĩ xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Ghānā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Tỷ xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Jivhā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Thiệt xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau)duyên

**Kāyā'yatanam kāya-viññāṇadhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Thân xứ hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Rūpā'yatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Sắc xứ hỗ trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Saddā'yatanam sota-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Thinh xứ hỗ trợ nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Gandhā'yatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Khí xứ hỗ trợ tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Rasā'yatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Vị xứ hỗ trợ thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

**Phoṭṭhabbā'yatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānaṃ Avigata-paccayena paccayo**

Xúc xứ hỗ trợ thân thức giới và pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau)duyên

**Rūpā'yatanam saddā'yatanam gandhā'yatanam rasā'yatanam
phoṭṭhabbā'yatanam mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañ-ca
dhammānam** Sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ hỗ trợ ý giới và pháp tương ưng
Avigata-paccayena paccayo bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Yaṃ rūpaṃ nissāya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti
Ý giới và ý thức giới diễn tiến nhờ nương vào sắc nào
**taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāṇa-dhātuyā ca taṃ-
sampayuttakānañ-ca dhammānam avigata-paccayena paccayo**
thì sắc ấy hỗ trợ ý giới và ý thức giới cùng các pháp tương ưng bằng Bất ly (chẳng lìa nhau) duyên

Paccaya-niddeso Niṭṭhito

Dứt Phần Phân Giải Duyên

KINH TỤNG
NGÀY THỨ TÁM

Bojjhaṅga Suttā

NHỮNG BÀI KINH GIÁC CHI

Paṭhama-gilāna-suttam

Kinh Bệnh thứ nhất

Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veļu-vane kalandaka-nivāpe

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá (Rājagaha), rừng Trúc Lâm (Veļuvana), tại chỗ nuôi dưỡng các Ta sóc

Tena kho pana samayena āyasmā mahā-kassapo pippali-guhāyaṃ

viharati Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahā Kassapa trú ở hang Pippali

ābādhiko dukkhito bālha-gilāno bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh

Atha kho bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy

Yenā'yasmā mahā-kassapo tenupasaṅkami đi đến Tôn giả Mahā Kassapa

upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn

Nisajja kho bhagavā āyasmantaṃ mahā-kassapaṃ etadavoca

Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahā Kassapa

“Kacci te, kassapa, khamanīyaṃ kacci yāpanīyaṃ

Này Kassapa, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng

Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti

Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng

paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo”ti

Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng

“Na me, bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ

Bạch Thế Tôn, Ta không thể kham nhẫn, Ta không thể chịu đựng

Bālha me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti

Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi Ta, không có giảm thiểu

abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo”ti

Có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu

“Satt’ime, kassapa, bojjhaṅgā Này Kassapa, bảy giác chi này

mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulikatā

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Katame satta Thế nào là bảy

Sati-sambojjhaṅgo kho, kassapa Niệm -giác chi, này Kassapa

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo kho, kassapa Trạch pháp -giác chi, này Kassapa

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Vīriya-sambojjhaṅgo kho, kassapa Tinh tấn- giác chi, này Kassapa

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Pīti-sambojjhaṅgo kho, kassapa Hỷ -giác chi, này Kassapa

Mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Passaddhi-sambojjhaṅgo kho, kassapa Khinh an -giác chi, này Kassapa

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Samādhi-sambojjhaṅgo kho kassapa Định- giác chi, này Kassapa

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Upekkhā-sambojjhaṅgo kho, kassapa Xả -giác chi, này Kassapa
mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Ime kho, kassapa, satta bojjhaṅgā Bảy giác chi này, này Kassapa
mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā
do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn
abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti”ti
đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

“Taggha, bhagavā, bojjhaṅgā; taggha, sugata, bojjhaṅgā”ti
Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi

Idamavoca bhagavā Thế Tôn thuyết như vậy
Attamano āyasmā mahā-kassapo bhagavato bhāsitaṃ abhinandi
Tôn giả Mahā Kassapa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy
Vuṭṭhahi cā’yasmā mahā-kassapo tamhā ābādhā
Và Tôn giả Mahā Kassapa được thoát khỏi bệnh ấy
Tathā-pahīno cā’yasmato mahā-kassapassa so ābādhō ahoṣī’ti
Bệnh ấy của Tôn giả Mahā Kassapa được đoạn tận như vậy

Dutiyagilānasuttaṃ

Kinh Bệnh thứ hai

Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷu-vane kalandaka-nivāpe

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá (Rājagaha), rừng Trúc Lâm (Veḷuvana), tại chỗ nuôi dưỡng các Ta sóc

Tena kho pana samayena āyasmā mahā-moggallāno gijjha-kūṭe pabbate

viharati Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahā Moggallana trú ở Đỉnh-núi chim Kên Kên

ābādhiko dukkhito bālha-gilāno bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh

Atha kho bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy

Yen'āyasmā mahā-moggallāno tenupasaṅkami đi đến Tôn giả Mahā Moggallana

upasaṅkamtivā paññatte āsane nisīdi sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn

Nisajja kho bhagavā āyasmantaṃ mahā-moggallānaṃ etadavoca

Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahā Moggallana

“Kacci te, moggallāna, khamanīyaṃ kacci yāpanīyaṃ

Này Moggallāna, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng

Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti

Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng

paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo”ti

Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng?

“Na me, bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ

Bạch Thế Tôn, Ta không thể kham nhẫn, Ta không thể chịu đựng

Bālha me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti

Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi Ta, không có giảm thiểu

abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo”ti

Có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu

“Satt’ime, moggallāna, bojjaṅgā Này Moggallāna, bảy giác chi này

mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Katame satta Thế nào là bảy?

Sati-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Niệm- giác chi, này Moggallāna

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo kho, moggallāna

Trạch -pháp giác chi, này Moggallāna

mayā samma- dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Vīriya-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Tinh tấn- giác chi, này Moggallāna

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Pīti-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Hỷ- giác chi, này Moggallāna

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Passaddhi-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Khinh an -giác chi, này Moggallāna

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Samādhi-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Định- giác chi, này Moggallāna

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Upekkhā-sambojjhaṅgo kho, moggallāna Xả -giác chi, này Moggallāna

mayā samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Ime kho, moggallāna, satta bojjhaṅgā Bảy giác chi này, này Moggallāna
mayā samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

do Ta khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī”ti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

“Taggha, bhagavā, bojjhaṅgā; taggha, sugata, bojjhaṅgā”ti

Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi.

Idamavoca bhagavā Thế Tôn thuyết như vậy

Attamano āyasmā mahā-moggallāno bhagavato bhāsitaṃ abhinandi Tôn

giả Mahā Moggallāna hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

Vuṭṭhahi cā’yasmā mahā-moggallāno tamhā ābādhā

Và Tôn giả Mahā Moggallāna được thoát khỏi bệnh ấy

Tathāpahīno cā’yasmato mahā-moggallānassa so ābādho ahoṣī’ti

Bệnh ấy của Tôn giả Mahā Moggallāna được đoạn tận như vậy

Tatiyagilānasuttaṃ

Kinh Bệnh thứ ba

Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veļu-vane Kalandaka-nivāpe

Một thời Thế Tôn ở Vương Xá (Rājagaha), rừng Trúc Lâm (Veļuvana), tại chỗ nuôi dưỡng các Ta sóc.

Tena kho pana samayena bhagavā ābādhiko hoti dukkhito bālha-gilāno

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh

Atha kho āyasmā mahā-cundo yena bhagavā tenupasaṅkami

Rồi Tôn giả Mahā Cunda đi đến Thế Tôn

upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi

sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên

Ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ mahā-cundaṃ bhagavā

etadavoca Thế Tôn nói với Tôn giả Mahā Cunda đang ngồi một bên:

“paṭibhantu taṃ cunda, bojjhaṅgā”ti Nay Cunda, hãy thuyết về giác chi

“Satt’ime, bhante, bojjhaṅgā bhagavatā

Bạch Thế Tôn, có bảy giác chi này do Thế Tôn

Samma-dakkhātā bhāvitā bahulikatā

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Katame satta Thế nào là bảy?

Sati-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, niệm -giác chi do Thế Tôn

samma-dakkhāto bhāvito bahulikato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Dhamma-vicaya-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, trạch pháp- giác chi do Thế Tôn

samma- dakkhāto bhāvito bahulikato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Vīriya-sambojjhaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, tinh tấn- giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Pīti-sambojjaṅgo kho, bhante, bhagavatā Bạch Thế Tôn, hỷ-giác chi do Thế Tôn

samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Passaddhi-sambojjaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, khinh an-giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Samādhi-sambojjaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, định-giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Upekkhā-sambojjaṅgo kho, bhante, bhagavatā

Bạch Thế Tôn, xả-giác chi do Thế Tôn

Samma-dakkhāto bhāvito bahulīkato

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

Ime kho, bhante, satta bojjhaṅgā bhagavatā

Bạch Thế Tôn, bảy giác chi này do Thế Tôn

Samma-dakkhātā bhāvitā bahulīkatā

khéo thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn

abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti”ti

đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn

“Taggha, cunda, bojjhaṅgā; taggha, cunda, bojjhaṅgā”ti

Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi. Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi

Idamavocā'yasmā mahā-cundo Tôn giả Mahā Cunda thuyết như vậy
Samanuñño satthā ahoṣi bậc Đạo Sư chấp nhận
Vuṭṭhahi ca bhagavā tamhā ābādhā và Thế Tôn thoát khỏi bệnh ấy
Tathā pahīno ca bhagavato so ābādho ahoṣī'ti
Bệnh ấy của Thế Tôn được đoạn tận như vậy.

Bojjhaṅga Paritta

Hộ Kinh GIÁC CHI

Saṃsāre saṃsarantānaṃ, sabba-dukkha-vināsane

luân lưu trong luân hồi Tất cả những vị ấy, đã hủy diệt mọi Khổ

Satta dhamme ca bojjhaṅge, māra-senā-pamaddane

Bảy chi – Pháp giác ngộ, đã hủy diệt binh ma

Bujjhivā ye c'ime sattā, ti-bhavā muttakuttamā

sau khi đã liễu thông Các pháp thất giác chi của những vị hiền trí, và vượt thoát tam hữu

Ajātimajarābyādhim amataṃ nibbhayaṃ gatā

không sanh-già-bệnh-chết. đạt vô úy bất tử(Niết-bàn)

Evāmādiguṇūpetam aneka-guṇa-saṅghaṃ

bài Hộ Kinh Giác Chi, tập hợp vô số đức

Osadhañca imaṃ mantam, bojjhaṅgañca bhaṇāma he

những đức ấy ví như: phương thảo được quý báu, như bài linh chú hay

Này hỡi các hiền giả, cùng chúng Ta trì tụng

Bojjhaṅgo sati saṅkhāto, dhammānaṃ vicayo tathā

Các Pháp Thất giác chi, gồm có niệm giác chi, trạch pháp

Vīriyaṃ pīti pasaddhi, bojjhaṅgā ca tathāpare

và tinh tấn, hỷ cùng với khinh an giác chi

Samādh'upekkhā bojjhaṅgā, satt'ete sabba-dassinā

thêm nữa là định – xả, Bảy Pháp – giác chi ấy được Đại Hiền Toàn Giác

Muninā samma-dakkhātā, bhāvitā bahulikatā

Bậc ẩn sĩ khéo giảng, khéo tuyên thuyết, tu tập làm cho sung mãn

Samvattanti abhiññāya, nibbānāya ca bodhiyā

Mang lại các thắng trí, Niết bàn, Đạo Quả Tuệ

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hằng được an lành

Ekasmiṃ samaye Nātho, Moggallānañca Kassapaṃ

Một thuở, (hai vị trưởng lão) Ngài Moggallāna và Ngài Kassapa

Gilāne dukkhite disvā, bojjaṅge satta desayi

(Bậc Đạo sư-Nātho) sau khi thấy (2 ngài) Lâm bệnh nặng khổ thân, rồi thuyết Thất giác chi

Te ca taṃ abhinanditvā, rogā muccim su taṅkhaṇe

Các tôn giả hoan hỷ, Bệnh tức khắc lành ngay

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hăng được an lành

Ekadā Dhamma-rājāpi, gelaññenā' bhipīlito

Một thuở Đấng Pháp vương, thọ khổ thân trầm trọng

Cundattherena taṃ yeva, bhaṇāpetvāna sādaraṃ

Cũng vậy Đức Cunda, cung kính tụng Giác chi,

Sammoditvāna ābādhā, tamhā vuṭṭhāsi ṭhānaso

Khiến Phật-đà hoan hỷ, bệnh liền khỏi tức thì

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hăng được an lành

Pahīnā te ca ābādhā, tiṇṇannampi mahesinaṃ

Cũng vậy với Đức Phật, và hai vị Trưởng lão, Bệnh hoàn toàn dứt hẳn

Maggahatā kilesāva, pattā'nuppattidhammantam

Phiền não nào đoạn tuyệt, bởi Đạo Tuệ nào rồi, không còn sinh trở lại

Etena sacca-vajjena, sotthi te hotu sabbadā

Mong lời chân thật này, người hăng được an lành.

Bojjhaṅga-suttaṃ niṭṭhitam

Dứt kinh Giác Chi

KINH TỤNG TÙY THỜI

Pabbajita-abhiṇhaṃuttam

Kinh PHÁP SA MÔN THƯỜNG QUÁN

Dasayime, bhikkhave, dhammā pabbajitena abhiṇhaṃ-
paccavekkhitabbā Nay các Tỷ-kheo, có mười pháp này, vị xuất gia phải luôn luôn quán sát
katame dasa Thế nào là mười?

1.

‘Vevaṇṇiya’ mhi ajjhupagato’ ti

"Ta nay đi đến tình trạng là người không có giai cấp" (mất hết giai cấp)

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbam Người xuất gia phải luôn luôn quán sát

2.

‘Para-paṭibaddhā me jīvikā’ ti "Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác."

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbam Người xuất gia phải luôn luôn quán sát

3.

‘Añño me ākappo karaṇīyo’ ti Nay cử chỉ uy nghi của ta cần phải thay đổi!"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbam Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

4.

‘Kacci nu kho me attā sīlato na upavadatī’ ti

"Không biết tự ngã có chỉ trích ta về giới hạnh không?" (tự bản thân có chỉ trích mình về giới hạnh không-tự thấy xấu hổ)

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbam Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

5.

‘Kacci nu kho maṃ anuvicca viññū "Không biết những người có trí sau khi tìm hiểu

sabrahmacārī sīlato na upavadantī’ ti

các đồng Phạm hạnh(đó) có chỉ trích ta về giới hạnh không?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbam Vị xuất gia cần luôn luôn quán sát

6.

‘Sabbehi me piyehi manāpehi "Mọi sự vật khả ái, khả ý của ta

Nānā-bhāvo vinā-bhāvo’ ti bị đổi khác, bị biến hoại

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbam Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

7.

‘Kammassako’ mhi kamma-dāyādo "Ta là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp

kamma-yoni kamma-bandhu kamma-paṭisaraṇo

là thai tạng của nghiệp, là bà Ta của nghiệp, là chỗ quy hướng(nương tựa) của nghiệp

yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā phạm nghiệp gì ta sẽ làm, thiện
pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmī'ti hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy"
pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát
8.

'Kathaṃ-bhūtassa me rattin-divā vītivattantī'ti

"Đêm ngày trôi qua bên ta và nay ta đã thành người như thế nào?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ vị xuất gia cần phải luôn quán sát

9.

'Kacci nu kho ahaṃ suññāgāre abhiraṃmāmi'ti

"Ta có hoan hỷ trong ngôi nhà trống không hay không?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

10.

'Atthi nu kho me uttari manussa-dhammo"Ta có chứng được pháp Thượng nhân

Alamariya-ñāṇa- dassanaviseso adhigato tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh không

yenāhaṃ pacchime kāle để đến những ngày cuối cùng

sabrahmacārīhi puṭṭho các đồng Phạm hạnh có hỏi

na maṅku bhavissāmī'ti ta sẽ không có xấu hổ?"

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

Ime kho, bhikkhave, dasa dhammā Này các Tỷ-kheo, mười pháp này

pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbā vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát

METTĀBHĀVANĀ - PATHANĀ - PATTIDĀNA

THIỀN TÂM TỪ - NGUYỄN CẦU - CHIA PHƯỚC

	Nguyễn cho
Sabbe sattā, sabbe pāṇā,	tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình
sabbe bhūtā, sabbe puggalā	tất cả sanh loại, tất cả cá nhân
sabbe atta-bhāva-pariyāpannā	tất cả cá thể (có ngã tính)
sabbā itthiyo, sabbe purisā	tất cả nữ giới, tất cả nam giới
sabbe ariyā, sabbe anariyā	tất cả thánh nhân, tất cả phàm nhân
sabbe devā, sabbe manussā	tất cả chư thiên, tất cả nhân loại
sabbe vinipātikā	tất cả chúng sanh trong bốn đọa xứ
averā hontu, abyāpajjā hontu	không còn oan trái, không còn ác ý
anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu	không còn muộn phiền, giữ mình được an vui
Dukkhā muccantu	mong cho tất cả thoát khổ đau
Yathā-laddha-sampattito māvigacchantu	những gì đã thành tựu xin đừng mất
Kammassakā	chỉ có Nghiệp là tài sản của Người (mỗi chúng sinh có nghiệp riêng)

Puratthimāya disāya	trong hướng Đông
pacchimāya disāya	trong hướng Tây
uttarāya disāya	trong hướng Bắc
dakkhiṇāya disāya	trong hướng Nam
puratthimāya anudisāya	trong hướng Đông-Nam
pacchimāya anudisāya	trong hướng Tây-Bắc
uttarāya anudisāya	trong hướng Đông- Bắc
dakkhiṇāya anudisāya	trong hướng Tây-Nam
heṭṭhimāya disāya	ở hướng dưới
uparimāya disāya	ở hướng trên

Sabbe sattā, sabbe pāṇā	tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình
sabbe bhūtā, sabbe puggalā	tất cả sanh loại, tất cả cá nhân
sabbe atta-bhāva-pariyāpannā	tất cả cá thể (có ngã tính)
sabbā itthiyo sabbe purisā	tất cả nữ giới, tất cả nam giới
sabbe ariyā sabbe anariyā	tất cả thánh nhân, tất cả phàm nhân
sabbe devā, sabbe manussā	tất cả chư thiên, tất cả nhân loại

sabbe vinipātikā tất cả chúng sanh trong bốn đọa xứ
Nguyện cho
averā hontu, abyāpajjā hontu không còn oan trái, không còn ác ý
anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu không còn muộn phiền, giữ mình được an vui
Dukkhā muccantu mong cho tất cả thoát khổ đau
Yathā-laddha-sampattito māvigacchantu những gì đã thành tựu xin đừng mất
kammassakā chỉ có Nghiệp là tài sản của Người (mỗi chúng sinh có nghiệp riêng)

Uddhaṃ yāva bhavaggā ca Phía trên lên mãi đến vô cùng
adho yāva avīcito phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Samantā cakkavāḷesu Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
ye sattā pathavī-carā những sanh linh nào sống trên đất
Abyāpajjā niverā ca nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất cả không còn oan trái
niddukkhā cā'nuppaddavā thoát khổ đau và thoát mọi hiểm nguy

Uddhaṃ yāva bhavaggā ca Phía trên lên mãi đến vô cùng
adho yāva avīcito phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Samantā cakkavāḷesu Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
ye sattā udahecarā những sanh linh nào sống dưới nước
Abyāpajjā niverā ca nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất cả không còn oan trái
niddukkhā cā'nuppaddavā thoát khổ đau và thoát mọi hiểm nguy

Uddhaṃ yāva bhavaggā ca Phía trên lên mãi đến vô cùng
adho yāva avīcito phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Samantā cakkavāḷesu Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
ye sattā ākāse-carā những sanh linh nào sống trên không
Abyāpajjā niverā ca nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất cả không còn oan trái
niddukkhā cā'nuppaddavā thoát khổ đau và thoát mọi hiểm nguy

Yaṃ pattaṃ kusalaṃ tassa Với những thiện nghiệp nào đã thành tựu
ānubhāvena paṇino Nhờ oai lực (đó) nguyện cho tất cả mọi sanh
sabbe saddhamma-rājassa tất cả (biết pháp) của Đấng Pháp Vương
ñatvā dhammaṃ sukhāvahaṃ hay biết Diệu Pháp mang lại an vui

Pāpuṇantu visuddhāya	mong cho (tất cả)đạt được thanh tịnh
sukhāya paṭipattiyā	với sự hành trì an lạc
asokamanupāyāsaṃ	không còn sầu khổ và bất mãn
nibbāna-sukha-muttamaṃ	thành tựu được Niết bàn - lạc tối thượng.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo	nguyện cầu Diệu Pháp mãi trường tồn
dhamme hontu sagāravā	ngưỡng mong thành kính Pháp
sabbepi sattā kālena	(bởi)tất cả sanh linh,đúng thời
sammā devo pavassatu	xin Chư thiên làm mưa (mưa thuận gió hoà)
Yathā rakkhimsu porāṇā	giống các vị vua xa xưa
surājāno tathevimaṃ	là những bậc Hiền vương
rājā rakkhatu dhammena	đã bảo vệ chúng dân đúng theo Pháp
attanova pajamaṃ pajamaṃ	như bảo vệ dòng dõi của chính mình

Imāya dhammā’nudhamma-paṭipattiyā Buddhamaṃ pūjemi

với sự hành Pháp này, Ta xin cúng dường Phật

Imāya dhammā’nudhamma-paṭipattiyā Dhammaṃ pūjemi

với sự hành Pháp này, Ta xin cúng dường Pháp

Imāya dhammā’nudhamma-paṭipattiyā Saṃghamaṃ pūjemi

với sự hành Pháp này, Ta xin cúng dường Tăng

Addhā imāya paṭipattiyā Nhất định, nhờ sự hành Pháp này

jāti-jarā-byādhi-maraṇamaṃ parimuccissāmi

Ta sẽ thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết

Idamaṃ me puññaṃ āsavakkhayā’vamaṃ hotu

Phước lành này của Ta, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân

Idamaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu

Phước lành này của Ta, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabba-sattānaṃ bhājemi

Phần phước của Ta, xin chia đều đến tất cả sanh linh

Te sabbe me samaṃ puñña-bhāgaṃ labhantu

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau

Sādhu Sādhu Sādhu

(Sādhu! Sādhu! Lành thay!)